

Tài chính, Kinh tế & Thương mại



Việt Nam được kỳ vọng sẽ ghi nhận mức tăng trưởng tài sản mạnh nhất trong thập kỷ tới

Theo báo cáo của New World Wealth, Việt Nam sẽ chứng kiến sự tăng trưởng tài sản mạnh nhất thế giới trong thập kỷ tới khi củng cố vị thế là một trung tâm sản xuất toàn cầu. Ông Andrew Amoils, nhà phân tích của New World Wealth, cho biết: “Việt Nam ngày càng nổi tiếng với tư cách một trung tâm sản xuất toàn cầu, khi quốc gia này trở thành địa bàn trọng điểm sản xuất của các công ty công nghệ, ô tô, điện tử, quần áo và dệt may đa quốc gia”.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.1



Hợp tác đổi mới để thúc đẩy tương lai kỹ thuật số của Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu đang phát triển nhanh chóng, Việt Nam đang dẫn đầu cuộc cách mạng kỹ thuật số, sẵn sàng tận dụng tiềm năng biến đổi của công nghệ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiên bộ xã hội. Chỉ đạo quá trình chuyển đổi năng động này là Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng, người nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của sự hợp tác chung nhằm đẩy nhanh chương trình chuyển đổi kỹ thuật số của quốc gia.

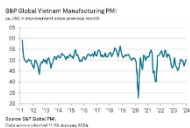
Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.2



Thị trường đồ chơi Việt Nam: Tổng quan 2024

Với dân số 100,3 triệu dân vào năm 2023 và tỷ lệ sinh luôn ở mức trên 1 triệu ca mỗi năm, Việt Nam là một thị trường quan trọng cho lĩnh vực đồ chơi trẻ em. Ngoài xu hướng về nhân khẩu học này, thu nhập khả dụng ngày càng tăng cũng đang thúc đẩy nhu cầu cho các sản phẩm đồ chơi của các bậc cha mẹ Việt Nam. Trong bài viết này, Vietnam Briefing đánh giá thị trường đồ chơi Việt Nam cũng như những thách thức và cơ hội mà thị trường này mang lại cho các doanh nghiệp nước ngoài.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.3



Chỉ số PMI ngành sản xuất tăng lần đầu tiên sau 5 tháng

Các nhà sản xuất tại Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng trở lại vào đầu năm 2024 khi có dấu hiệu cải thiện về nhu cầu nhờ vào sự gia tăng mới về số lượng đơn đặt hàng và sản lượng mới. Dù vậy, khía cạnh việc làm và thu mua đã giảm đi một chút và niềm tin kinh doanh suy yếu. Cụ thể, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng ngành sản xuất™ (PMI®) Việt Nam của S&P Global đã quay trở lại và vượt mốc 50,0 vào đầu năm, tăng lên 50,3 từ mức 48,9 vào tháng 12. Báo cáo chỉ ra sự cải thiện đầu tiên về tăng trưởng của lĩnh vực sản xuất trong 5 tháng, nhưng chỉ ở mức tăng nhẹ.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.4



Cộng bố Kế hoạch Huy động Nguồn lực về cơ chế Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng với Việt Nam

Năm 2023, Nhóm Đối tác Quốc tế, bao gồm Liên minh châu Âu (EU), Vương quốc Anh (Anh), Canada, Đan Mạch, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản, Na Uy và Hoa Kỳ do EU và Vương quốc Anh đồng chủ trì đã hoan nghênh và ủng hộ Kế hoạch Huy động Nguồn lực (RMP) thuộc cơ chế Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng của Việt Nam. RMP là một phần của cơ chế Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng, được thống nhất giữa Việt Nam và Nhóm Đối tác Quốc tế vào tháng 12 năm 2022 và sẽ giúp Việt Nam thực hiện các mục tiêu về khí hậu của quốc gia.

Góc nhìn Chuyên gia



[Tập trung tiếp cận nguồn tài trợ có thể mang lại tăng trưởng vượt trội](#)

Nền kinh tế Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng cao hơn trong năm nay. Wanwisa Vorrarikulkij, nhà kinh tế cấp cao tại Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế Vĩ mô ASEAN +3 có trụ sở tại Singapore, chia sẻ trong một bài phỏng vấn về cách Việt Nam có thể vượt qua nhiều thách thức khác nhau để hiện thực hóa mục tiêu đầy tham vọng này.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại [Phụ lục 2.1](#)



[Đại sứ Đức tại Việt Nam: Doanh nghiệp Đức có cái nhìn tích cực về môi trường kinh doanh tại Việt Nam](#)

Nhân dịp Tết Nguyên đán (Tết), Đại sứ Đức tại Việt Nam Guido Hildner trò chuyện với The Investor về mối quan hệ Đức – Việt và mối quan tâm của các công ty Đức đối với môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại [Phụ lục 2.2](#)



[Chủ tịch KOCHAM: 'Công nghiệp bán dẫn Việt hấp dẫn doanh nghiệp Hàn'](#)

Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam (KOCHAM) Hong Sun, nhận xét Việt Nam được đánh giá vẫn là điểm đến hấp dẫn và dự báo FDI từ doanh nghiệp Hàn Quốc sẽ tiếp tục tăng trong năm 2024.

Tủ sách Doanh nghiệp



[Báo cáo của KPMG: Ý nghĩa của Nghị định 100 đối với ngành bia Việt Nam](#)

Sau đại dịch COVID-19, thị trường bia Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu phục hồi trong năm 2022, vượt doanh số năm 2019. Bất chấp xu hướng tăng này, năm 2023 vẫn là năm đầy thách thức đối với ngành do một số yếu tố: Chính phủ Việt Nam tăng cường thực thi Nghị định 100, chi phí nguyên liệu sản xuất tăng và giám sát tiêu dùng trong bối cảnh kinh tế bất ổn. Dự báo mới nhất cho năm 2024 cho thấy doanh số bán hàng tại các siêu thị và cửa hàng bán lẻ chậm lại, ngay cả khi có các chương trình khuyến mãi hấp dẫn khi Tết Nguyên Đán đang đến gần.

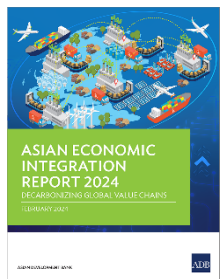
Đọc thêm về nội dung báo cáo tại [Phụ lục 3.1](#)



[Báo cáo của ADB: Huy động thuế để phát triển](#)

Bước vào năm 2024, các nhà lãnh đạo phải đối mặt với nhiều thách thức, từ tăng trưởng bền vững đến điều hướng các công nghệ mới nổi, cũng như thu hút và giữ chân nhân tài. Vai trò của Giám đốc An ninh Thông tin (CISO) đang phát triển và họ ngày càng được coi là đối tác chủ động trong việc quản trị các nhu cầu kinh doanh hiện hữu thay vì chỉ được trọng dụng trong thời kỳ khủng hoảng. Báo cáo của KPMG về các cân nhắc xoay quanh lĩnh vực An ninh mạng xác định tám điểm cân nhắc chính mà CISO nên ưu tiên vào năm 2024 để có thể giúp giảm thiểu rủi ro, thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh và xây dựng khả năng phục hồi.

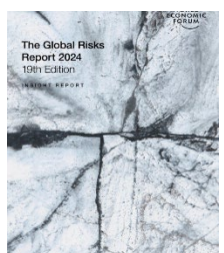
Đọc thêm về nội dung báo cáo tại [Phụ lục 3.2](#)



[Báo cáo của ADB: Báo cáo hội nhập kinh tế châu Á 2024: Chuỗi giá trị toàn cầu khử cacbon](#)

Báo cáo này cung cấp cái nhìn tổng quan về những thay đổi trong thương mại và chuỗi giá trị toàn cầu (GVC), đầu tư xuyên biên giới, hội nhập tài chính và sự di chuyển của người dân ở Châu Á và Thái Bình Dương, đồng thời khám phá các cách khử cacbon trong GVC. Báo cáo xem xét hội nhập khu vực sâu hơn và tăng trưởng xanh hơn có thể thúc đẩy thương mại và hoạt động như một tấm đệm chống lại những cú sốc trong tương lai như thế nào. Báo cáo cũng xem xét cách mà công nghệ, định giá cacbon và chính sách thương mại có thể giúp các nền kinh tế giải quyết cả lỗ hổng chuỗi cung ứng lẫn biến đổi khí hậu.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại [Phụ lục 3.3](#), và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)



[Báo cáo của WEF: Báo cáo Rủi ro Toàn cầu 2024](#)

Báo cáo Rủi ro Toàn cầu khám phá một số rủi ro nghiêm trọng nhất mà chúng ta có thể gặp phải trong thập kỷ tới, trong bối cảnh thay đổi công nghệ nhanh chóng, bất ổn kinh tế, hành tinh nóng lên và xung đột diễn ra. Khi việc hợp tác bị áp lực tác động, các nền kinh tế và xã hội suy yếu có thể chỉ cần một cú sốc nhỏ nhất cũng có thể đẩy các quốc gia này khỏi bờ vực của sự phục hồi.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại [Phụ lục 3.4](#), và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)

Lịch sự kiện

Sự kiện	Địa điểm	Thời gian	Diễn giả/Thành phần tham dự & Ngôn ngữ	Đăng ký
KPMG Toàn cầu: BEPS 2.0 — Amount B: Đơn giản hóa việc chuyển giá?	Trực tuyến	01/03/2024 15:00-16:00	Diễn giả: các chuyên gia của KPMG Ngôn ngữ: Tiếng Anh	Tại đây
VCCI: Hội thảo lấy ý kiến góp ý dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật	Nhà khách Quốc hội, số 165 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q3, TP.HCM	01/03/2024 14:00-17:00	- Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI	Tại đây
KPMG: Những lưu ý quan trọng khi tuyển dụng lao động nước ngoài tại Việt Nam – Thuế thu nhập cá nhân và quan điểm quản lý lao động	Trực tuyến	12/03/2024 10:00-11:30	Diễn giả: các chuyên gia của KPMG - Bà Đặng Đức Giang - Bà Lê Minh Hằng Ngôn ngữ: Tiếng Anh	Tại đây
VCCI: Hội thảo Luật Đất đai 2024: Những nội dung quan trọng doanh nghiệp cần biết	Hội trường 201, tầng 2 toà 7 tầng, Trung tâm Hội nghị Quốc tế 11 Lê Hồng Phong, Ba Đình, Hà Nội	21/03/2024 08:00-12:30	Các diễn giả uy tín có vai trò quan trọng trong quá trình soạn thảo, thẩm tra Luật Đất đai (sửa đổi): - Ủy ban Kinh tế của Quốc hội - Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Xây dựng	Tại đây
VCCI: Triển lãm quốc tế Vải cao cấp Textfuture 2024 – Xuân Hè	Gem Center, số 08 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. HCM	27/03- 29/03/2024 07:00-17:00	- 30+ Chuyên gia, diễn giả có tầm ảnh hưởng trong ngành; - 200+ Đơn vị tham gia triển lãm từ Việt Nam và các nước; - Các doanh nghiệp dệt may Việt Nam và quốc tế	Tại đây
VCCI: Triển lãm China Homelife 2024	SECC - Trung Tâm Triển lãm và Hội Nghị Sài Gòn, Quận 7, Tp. HCM	29/03/2024 09:00-17:00	- 350 doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực: dệt – may mặc; vật liệu xây dựng; đồ gia dụng; đồ điện gia dụng; sản phẩm cho mẹ và bé; năng lượng mới; đồ trang trí, máy móc công nghiệp	Tại đây

Theo dõi và cập nhật các sự kiện của VCCI [tại đây](#), và các sự kiện của KPMG [tại đây](#).

Trung tâm Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2024 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.



Thông tin kinh tế hàng tháng

Bản tin số 20: Tháng 3/2024

Tài chính, Kinh tế & Thương mại

PHỤ LỤC 1.1

Việt Nam được kỳ vọng sẽ ghi nhận mức tăng trưởng tài sản mạnh nhất trong thập kỷ tới

Các điểm chính:

- Theo báo cáo của New World Wealth, Việt Nam sẽ chứng kiến sự tăng trưởng tài sản mạnh nhất thế giới trong thập kỷ tới khi củng cố vị thế là một trung tâm sản xuất toàn cầu.
- Ông Andrew Amoils, nhà phân tích của New World Wealth, cho biết: “Việt Nam ngày càng nổi tiếng với tư cách một trung tâm sản xuất toàn cầu, khi quốc gia này trở thành địa bàn trọng điểm sản xuất của các công ty công nghệ, ô tô, điện tử, quần áo và dệt may đa quốc gia”.

Theo báo cáo của công ty tin báo tài sản toàn cầu New World Wealth và công ty tư vấn Henley & Partners, Việt Nam sẽ ghi nhận mức tăng trưởng tài sản tăng đột biến nhất trong thập kỷ tới khi củng cố vị thế là trung tâm sản xuất toàn cầu.

Chia sẻ với Đài CNBC, ông Amoils cho rằng tỉ lệ tích lũy tài sản của Việt Nam sẽ lên đến 125% trong 10 năm tới. Theo phân tích của công ty, đây sẽ là mức tăng trưởng tài sản lớn nhất so với bất kỳ quốc gia nào, xét về GDP bình quân đầu người và số lượng triệu phú USD.

“Việt Nam ngày càng nổi tiếng với tư cách một trung tâm sản xuất toàn cầu, khi quốc gia này trở thành địa bàn trọng điểm sản xuất của các công ty công nghệ, ô tô, điện tử, quần áo và dệt may đa quốc gia”, ông Amoils nhấn mạnh. Ấn Độ, quốc gia được dự báo trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới vào năm 2027, chiếm vị trí thứ hai với mức tăng trưởng tài sản dự kiến là 110%.

Với 19.400 triệu phú (tính trên giá trị tài sản là đồng USD) và 58 cá nhân có tổng tài sản từ 100 triệu USD trở lên, Việt Nam được xem là một quốc gia tương đối an toàn so với các quốc gia khác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, điều này mang lại cho các công ty thêm động lực để thiết lập các hoạt động sản xuất tại thị trường này.

“Vị trí chiến lược” của Việt Nam là có đường biên giới đất liền với Trung Quốc và gần các tuyến hàng hải thương mại lớn, có chi phí lao động thấp, cùng cơ sở hạ tầng hỗ trợ xuất khẩu - tất cả đã biến Việt Nam thành “điểm đến hàng đầu” cho đầu tư quốc tế, McKinsey ghi nhận trong một báo cáo.

Tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam chậm lại ở mức 5,05% so với mức tăng 8,02% vào năm 2022. Điều này do nhu cầu toàn cầu suy giảm và đầu tư công bị đình trệ. Sản xuất chiếm một phần tư GDP của Việt Nam.

Chỉ 10 năm trước, GDP bình quân đầu người của Việt Nam là khoảng 2.190 USD, nay tăng gần gấp đôi lên 4.100 USD, theo dữ liệu từ Ngân hàng Thế giới.

Ông Andy Ho, giám đốc đầu tư của VinaCapital Group, chia sẻ với Đài CNBC qua email: “Việt Nam đang phát triển nhanh chóng và hầu hết người dân đều được hưởng lợi”.

Nam châm thu hút FDI?

Theo ông Andy Ho, Việt Nam cũng đang được hưởng lợi từ căng thẳng thương mại Mỹ-Trung đang diễn ra, với nhiều công ty đa quốc gia đa dạng hóa sản xuất sang Việt Nam như một phần của chiến lược “Trung Quốc +1” và liên tục chứng kiến nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mạnh mẽ từ các tập đoàn đa quốc gia.

FDI vào Việt Nam tăng 32% so với một năm trước đó lên 36,6 tỷ USD vào năm 2023.

Câu chuyện tăng trưởng của Việt Nam được thúc đẩy từ quá trình công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm trọng tâm. Với 3 lần sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài trong 3 thập kỷ qua, và hiện nay Việt Nam đang đứng trước làn sóng thứ tư, chuyên gia kinh tế và phó chủ tịch Maybank Brian Lee đúc kết.

Các yếu tố rủi ro

Các chuyên gia kinh tế cũng cảnh báo một số trở ngại có thể cản trở tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của Việt Nam.

Ông Lee lưu ý rằng lực lượng lao động của Việt Nam cần được đào tạo nhiều hơn, để giải quyết nhu cầu của các hoạt động sản xuất phức tạp và đòi hỏi nhiều kỹ năng.

Ông Ho của VinaCapital cho biết suy thoái kinh tế toàn cầu kéo dài cũng có thể tác động đến nhu cầu tiêu dùng ở các thị trường phát triển, từ đó có thể ảnh hưởng đến lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam. Bất kỳ sự "giảm giá mạnh" nào của đồng tiền cũng có thể gây trở ngại.

Tuy nhiên, ông Ho nhận định rằng Việt Nam có thể vượt qua những thách thức phát sinh trong tương lai: "Sẽ phải mất rất nhiều thời gian mới có thể làm chệch hướng đất nước này khỏi con đường tăng trưởng hiện tại".

PHỤ LỤC 1.2

Hợp tác đổi mới để thúc đẩy tương lai kỹ thuật số của Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu đang phát triển nhanh chóng, Việt Nam đang dẫn đầu cuộc cách mạng kỹ thuật số, sẵn sàng tận dụng tiềm năng biến đổi của công nghệ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Chỉ đạo quá trình chuyển đổi năng động này là Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng, người nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của sự hợp tác chung nhằm đẩy nhanh chương trình chuyển đổi kỹ thuật số của quốc gia.

Trong tầm nhìn quốc gia, hợp tác nổi lên như một yếu tố then chốt dẫn đến thành công trên hành trình kỹ thuật số của Việt Nam. Nhận thức được vai trò then chốt của nền kinh tế kỹ thuật số trong việc thúc đẩy sự thịnh vượng kinh tế, ông nhấn mạnh sự cần thiết phải có nỗ lực phối hợp giữa các bên liên quan để khai thác công nghệ như một chất xúc tác cho sự thay đổi. Cách tiếp cận hợp tác này thể hiện sự khác biệt so với các chỉ thị truyền thống, trong đó Bộ huy động các nhóm chuyên môn bao gồm các công ty vận hành mạng và công nghệ kỹ thuật số để dẫn đầu các sáng kiến chuyển đổi trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Sứ mệnh tổng thể của ngành công nghệ kỹ thuật số Việt Nam rất rõ ràng: thúc đẩy đổi mới kỹ thuật số để đưa quốc gia trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045. Mục tiêu đầy tham vọng này đòi hỏi một chiến lược nhiều mặt, bao gồm làm chủ công nghệ, đổi mới và năng lực sản xuất bản địa.

Bộ trưởng Hùng nhấn mạnh Việt Nam cần phải nắm bắt các cơ hội mà cuộc cách mạng kỹ thuật số mang lại, đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển trí tuệ nhân tạo (AI), lĩnh vực mà ông xác định là trọng tâm cho các nỗ lực chuyển đổi kỹ thuật số của quốc gia.

Khi Việt Nam đạt được tiến bộ đáng kể trong đổi mới kỹ thuật số, đất nước này đã được công nhận trên quy mô toàn cầu. Việc Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới xếp hạng Việt Nam trong chỉ số đổi mới phản ánh năng lực và tầm ảnh hưởng ngày càng tăng của quốc gia này trong lĩnh vực kỹ thuật số. Tuy nhiên, hứa hẹn đi kèm với những thách thức và chính phủ nhận thức sâu sắc sự cần thiết phải giải quyết các hạn chế về nguồn nhân lực và khuôn khổ thể chế để đảm bảo thực hiện liên mạch các sáng kiến kỹ thuật số.

Để nâng cao hiệu quả và thúc đẩy tăng trưởng toàn diện, Bộ đã đưa ra các sáng kiến như cổng thông tin Làng Số (Làng Số), nhằm trao quyền cho các cá nhân có kiến thức và kỹ năng kỹ thuật số. Sáng kiến này nhằm mục đích dân chủ hóa việc tiếp cận các tài nguyên kỹ thuật số, cho phép công dân khai thác sức mạnh biến đổi của công nghệ trong cuộc sống hàng ngày và hoạt động kinh doanh của họ.

Năm 2023, Việt Nam bắt đầu hành trình chuyển đổi trong bối cảnh công nghệ, được thúc đẩy bởi sự cống hiến kiên quyết cho đổi mới và các sáng kiến chiến lược nhằm nâng cao năng lực trí tuệ và công nghiệp. Thành tựu số hóa năm ngoài thể hiện tầm nhìn và nỗ lực của đất nước, nổi bật là việc ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW tại kỳ họp thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa 13, đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng nhằm bồi dưỡng đội ngũ trí thức năng động vào năm 2030. Nghị quyết nhấn mạnh cả về số lượng và chất lượng, đặt nền móng cho Việt Nam đào tạo các chuyên gia và nhà khoa học hàng đầu trong các lĩnh vực then chốt và mới nổi, cần thiết để đưa đất nước đi theo hướng hiện đại hóa và công nghiệp hóa.

Nền kinh tế kỹ thuật số của Việt Nam đang trên quỹ đạo tăng trưởng mạnh mẽ, dự kiến đạt 45 tỷ USD vào năm 2025, được thúc đẩy bởi các lĩnh vực đang phát triển như thương mại điện tử và du lịch trực tuyến. Theo một báo cáo chung, quỹ đạo tăng trưởng này đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế kỹ thuật số tăng trưởng nhanh nhất ở Đông Nam Á trong năm thứ hai liên tiếp.

Khi Việt Nam vạch ra lộ trình hướng tới thịnh vượng kỹ thuật số, những nỗ lực hợp tác và nỗ lực phối hợp sẽ không thể thiếu trong việc khai thác tiềm năng kỹ thuật số của quốc gia. Lời kêu gọi hợp tác của Bộ trưởng Hùng nhấn mạnh quyết tâm chung coi công nghệ là động lực tạo ra sự thay đổi tích cực, đảm bảo rằng mọi cá nhân, cộng đồng và doanh nghiệp đều trở thành nguồn cảm hứng trong hành trình chuyển đổi hướng tới tương lai kỹ thuật số.

Về bản chất, việc theo đuổi chuyển đổi kỹ thuật số của Việt Nam không chỉ đơn thuần là nỗ lực về công nghệ mà còn là mệnh lệnh xã hội – một tầm nhìn chung đòi hỏi hành động tập thể và cam kết kiên định nhằm thúc đẩy những thay đổi có ý

nghĩa trong thời đại kỹ thuật số. Với sự cộng tác là nền tảng, đất nước này sẵn sàng vượt qua sự phức tạp của bối cảnh kỹ thuật số, mở ra một kỷ nguyên mới của sự đổi mới, thịnh vượng và hòa nhập cho tất cả mọi người. Nó hình dung vị thế kỹ thuật số của mình không chỉ vững mạnh vào năm 2045 mà còn ở vị trí dẫn đầu trong khu vực, tiến gần đến các tiêu chuẩn được áp dụng ở các nước phát triển.

PHỤ LỤC 1.3 Thị trường đồ chơi Việt Nam: Tổng quan 2024

Tổng quan thị trường

Theo Statista, thị trường đồ chơi tại Việt Nam chứng kiến sự tăng trưởng ổn định trong 5 năm qua. Vào năm 2023, doanh thu thị trường đạt 951 triệu USD, trong đó nhóm hàng nhựa và đồ chơi khác nổi lên là danh mục có doanh thu cao nhất, tạo ra doanh thu 272 triệu USD.

Trong tương lai, thị trường dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng với doanh thu dự kiến là 1,004 tỷ USD vào năm 2024 và tốc độ CAGR là 4,86% trong giai đoạn từ 2024 đến 2028.

Những nhà sản xuất hàng đầu tại Việt Nam

Theo dữ liệu của Statista, những công ty lớn trên thị trường là những công ty có uy tín như Lego, Mattel và Bandai Namco. Những công ty dẫn đầu ngành này nắm giữ thị phần đáng kể ở nhiều danh mục sản phẩm khác nhau, bao gồm nhân vật hành động, búp bê, trò chơi với bàn cờ, câu đố và đồ chơi lắp ghép.

Xu hướng thị trường

• Đồ chơi giáo dục ngày càng được yêu thích

Thị trường đồ chơi Việt Nam hiện đang có xu hướng hướng tới đồ chơi mang tính giáo dục, phát triển cả về thể chất và tinh thần. Năm 2022, Metric báo cáo doanh thu bán hàng từ đồ chơi giáo dục dẫn đầu, đạt 450 tỷ đồng (18,75 triệu USD). Theo sát ở vị trí thứ hai là đồ chơi ngoài trời và thể dục, tạo ra gần 430 tỷ đồng.

Đây là sự kết hợp của nhiều yếu tố bao gồm nhận thức ngày càng cao của phụ huynh về lợi ích giáo dục và nhận thức của đồ chơi, văn hóa nhấn mạnh vào giáo dục và thành công trong học tập ở Việt Nam cũng như khuyến khích giáo dục thể chất ở trẻ em để phát triển toàn diện.

• Thương mại điện tử trở nên phổ biến

Một xu hướng quan trọng khác là sự phổ biến ngày càng tăng của các nền tảng thương mại điện tử, được thúc đẩy bởi sự tiện lợi của chúng, phù hợp với lối sống hiện đại, nhịp độ nhanh, giá cả cạnh tranh và các chương trình khuyến mãi thường xuyên cũng như sự thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng sau Covid-19.

Theo dữ liệu của Metric, doanh số bán đồ chơi kết hợp vào năm 2022 trên các nền tảng lớn như Shopee, Lazada, Tiki và Sendo lên tới 24.974.800 sản phẩm. Điều này cho thấy mức mua trung bình gần 3.000 sản phẩm đồ chơi mỗi giờ.

Những thách thức đối với các nhà đầu tư vào ngành đồ chơi

• Thị trường phân mảnh

Thị trường đồ chơi trẻ em ở Việt Nam đang phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt do tầng lớp trung lưu ngày càng mở rộng và thu nhập khả dụng ngày càng tăng. Bản chất phân mảnh của thị trường đặt ra thách thức cho cả người chơi trong nước và quốc tế trong việc thiết lập sự hiện diện mạnh mẽ.

Báo Lao Động Thủ Đô lưu ý rằng trong khi các công ty địa phương đang nỗ lực đáp ứng nhu cầu bằng cách nhấn mạnh sự phù hợp về văn hóa, khả năng chi trả và nghề thủ công truyền thống, các công ty toàn cầu tận dụng các thương hiệu đã có tên tuổi và công nghệ tiên tiến để thống trị cả thị trường đồ chơi cao cấp với các sản phẩm chất lượng cao và thị trường đồ chơi cao cấp. phân khúc giá rẻ thông qua sản xuất hàng loạt.

• Hàng giả tràn lan

Trong hội nghị giới thiệu thương hiệu tiNiToy, ông Benjamin Tng, Giám đốc điều hành phân phối của Tập đoàn N KID, một công ty giải trí trẻ em nổi tiếng, lưu ý rằng có tới 70% thị trường đồ chơi trẻ em Việt Nam là các mặt hàng không có thương hiệu, gây lo ngại về độ an toàn của đồ chơi.

Đề cập đến vấn đề này, trong cuộc phỏng vấn với Báo An Ninh Thủ Đô, người tiêu dùng ở Hà Nội bày tỏ sự khó khăn trong việc phân biệt đồ chơi giả và thật vì cả hai loại đều đáp ứng được nhu cầu của trẻ. Hơn nữa, nhiều bậc cha mẹ dường như không nhận thức được tác hại của việc sử dụng đồ chơi giả cho con mình.

Một yếu tố quan trọng khác góp phần vào sự phổ biến rộng rãi của hàng giả là giá thấp hơn, điều này đóng vai trò khuyến khích, đặc biệt đối với những người có thu nhập thấp hơn, khi mua đồ chơi cho con họ. Theo ông Đỗ Việt Tùng, Giám đốc đối ngoại Lego, bộ Lego giả có thể chỉ có giá 200.000 – 300.000 đồng (8,3 – 12,5 USD) một bộ, trong khi sản phẩm Lego chính hãng có giá từ 700.000 – 800.000 đồng (29,2 – 33,3 USD) cho những bộ nhỏ và lên tới vài triệu đồng cho những bộ lớn, chi tiết.

- **Lo ngại về hóa chất độc hại**

Sự phổ biến của các mặt hàng không có thương hiệu trên thị trường làm dấy lên mối lo ngại về chất lượng sản phẩm, đặc biệt là vấn đề nhiễm độc chì.

Tiến sĩ Nguyễn Thị Hữu, Khoa Nhi, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức nhấn mạnh, nhiều đồ chơi không rõ nguồn gốc thường được làm từ nhựa kém chất lượng và kim loại pha chì, tiềm ẩn nguy cơ độc tính đáng kể. Do trẻ nhỏ có thói quen ngậm đồ chơi, sử dụng kéo dài có thể ảnh hưởng xấu đến sự phát triển trí não, dẫn đến các bệnh về đường ruột, lao, viêm phổi, dị ứng.

Báo cáo của Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong Phát triển và Sở Y tế trường học cho thấy, 37,5% mẫu đồ chơi ở các trường mầm non tỉnh Nam Định có chứa chì với hàm lượng chì trung bình là 2.207,83 mg/kg, đáng kể. vượt quá giới hạn quy định là 90 mg/kg.

Một nghiên cứu khác của nhóm các nhà khoa học trình bày tại Hội nghị khoa học quốc tế lần thứ 5 và Hội nghị khoa học toàn quốc về sức khỏe nghề nghiệp và môi trường lần thứ 9 cho thấy 9,7% đồ chơi ở các trường mầm non Hà Nội có chứa chì. Hàm lượng chì trung bình của các đồ chơi này là 625,3 mg/kg, cao gấp 7 lần so với tiêu chuẩn an toàn dành cho đồ chơi trẻ em.

Những phát hiện này đã thúc đẩy các bậc cha mẹ Việt Nam nâng cao tiêu chuẩn về an toàn đồ chơi, đồng thời dẫn đến việc chính phủ tăng cường giám sát và kiểm tra các sản phẩm đồ chơi, điển hình là việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đồ chơi QCVN 3:2019/BKHCN vào năm 2019.

Kết luận

Ngành công nghiệp đồ chơi ở Việt Nam đang có tốc độ tăng trưởng đầy hứa hẹn, định vị mình để tận dụng nhu cầu ngày càng tăng trong nước. Trước sự cạnh tranh khốc liệt, các công ty nước ngoài thường tìm kiếm các nhà phân phối và nhà bán lẻ địa phương có mối liên hệ chặt chẽ và mạng lưới rộng khắp để phân phối sản phẩm của họ đến người tiêu dùng một cách hiệu quả.

PHỤ LỤC 1.4

Chỉ số PMI ngành sản xuất tăng lần đầu tiên sau 5 tháng

Các nhà sản xuất tại Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng trở lại vào đầu năm 2024 khi có dấu hiệu cải thiện về nhu cầu nhờ vào sự gia tăng mới về số lượng đơn đặt hàng và sản lượng mới. Dù vậy, khía cạnh việc làm và thu mua đã giảm đi một chút và niềm tin kinh doanh suy yếu.

Các báo cáo về sự chậm trễ vận chuyển đã khiến thời gian giao hàng của nhà cung cấp bị kéo dài và làm tăng thêm áp lực chi phí. Mặc dù giá đầu vào cao hơn, các công ty vẫn giảm phí như một phần trong nỗ lực kích thích nhu cầu.

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng ngành sản xuất™ (PMI®) Việt Nam của S&P Global đã quay trở lại và vượt mốc 50,0 vào đầu năm, tăng lên 50,3 từ mức 48,9 vào tháng 12. Báo cáo chỉ ra sự cải thiện đầu tiên về tăng trưởng của lĩnh vực sản xuất trong 5 tháng, nhưng chỉ ở mức tăng nhẹ

Sự cải thiện tổng thể về điều kiện kinh doanh tập trung vào việc mở rộng số lượng đơn đặt hàng và sản xuất mới. Tổng số lượng đơn đặt hàng mới tăng lần đầu tiên trong ba tháng trong bối cảnh nhu cầu phục hồi ở cả thị trường trong nước và xuất khẩu (số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng lần đầu tiên kể từ tháng 10 năm ngoái).

Đây là mức tăng nhẹ nhưng rõ rệt nhất kể từ tháng 9 năm 2022. Sự mở rộng tổng thể về sản lượng đã tập trung vào các nhà sản xuất hàng hóa trung gian.

Bản chất của sự gia tăng sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới có nghĩa là các công ty giữ mức nhân sự và hoạt động mua hàng hầu như không thay đổi vào đầu năm 2024. Sự kết hợp giữa bức tranh tổng thể ổn định về năng lực hoạt động và số lượng đơn đặt hàng mới lại gia tăng có nghĩa là lượng tồn đọng của công việc được xây dựng trong tháng thứ hai trong tháng Một. Dù nhẹ nhưng tốc độ tích lũy rõ rệt nhất kể từ tháng 3 năm 2022.

Một số công ty chọn cách đáp ứng đơn đặt hàng bằng cách phân phối thành phẩm cho khách hàng. Kết quả là hàng tồn kho sau sản xuất giảm sau khi không thay đổi vào cuối năm 2023.

Tồn kho hàng mua cũng giảm trong bối cảnh nhu cầu sản xuất tăng cao và hoạt động mua hàng nhìn chung không thay đổi. Mức giảm tồn kho trước sản xuất là mạnh mẽ và mạnh nhất kể từ tháng 6 năm ngoái.

Sự chậm trễ vận chuyển và các vấn đề vận chuyển đã góp phần kéo dài thời gian giao hàng của nhà cung cấp trong tháng 1, sự suy giảm đầu tiên về hiệu quả hoạt động của nhà cung cấp chỉ sau hơn một năm. Tuy nhiên, việc kéo dài thời gian thực hiện chỉ ở mức độ nhẹ.

Các vấn đề vận chuyển gây ra sự chậm trễ trong giao hàng cũng dẫn đến chi phí vận chuyển cao hơn vào đầu năm, khiến giá đầu vào tiếp tục tăng rõ rệt. Các công ty cũng báo cáo chi phí nhiên liệu và đường cao hơn.

Mặc dù chi phí đầu vào tiếp tục tăng với tốc độ đáng kể nhưng nỗ lực kích cầu đã khiến các nhà sản xuất Việt Nam phải hạ giá bán. Việc giảm giá biên đã chấm dứt chuỗi lạm phát kéo dài 5 tháng.

Niềm tin vào triển vọng sản xuất trong năm tới giảm xuống mức thấp nhất trong 7 tháng và dưới mức trung bình do một số công ty bày tỏ lo lắng về điều kiện kinh tế. Tuy nhiên, nhìn chung các nhà sản xuất vẫn lạc quan trong bối cảnh hy vọng về sự cải thiện về nhu cầu và số lượng khách hàng, cộng với kế hoạch tung ra các sản phẩm mới.

Góc nhìn Chuyên gia

PHỤ LỤC 2.1

Tập trung tiếp cận nguồn tài trợ có thể mang lại tăng trưởng vượt trội

Nền kinh tế Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng cao hơn trong năm nay. Wanwisa Vorrarikulkij, nhà kinh tế cấp cao tại Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế Vĩ mô ASEAN +3 có trụ sở tại Singapore, chia sẻ trong một bài phỏng vấn về cách Việt Nam có thể vượt qua nhiều thách thức khác nhau để hiện thực hóa mục tiêu đầy tham vọng này.

Nền kinh tế Việt Nam chỉ tăng trưởng hơn 5% vào năm 2023. Bà nhận xét gì về tỷ lệ này so với các nước trong khu vực?

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam suy yếu vào năm 2023, không đạt mục tiêu 6,5% của chính phủ.

So với các nước ASEAN khác, tốc độ tăng trưởng năm 2023 vẫn ở mức cao. Sự phát triển tăng trưởng có thể được chia thành hai quỹ đạo.

Trong nửa đầu năm 2023, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại ở mức 3,7% so với cùng kỳ, chủ yếu do những trở ngại bên ngoài và sự suy thoái của thị trường nhà ở.

Các ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu, đặc biệt là điện tử và dệt may, có lượng đơn đặt hàng nước ngoài giảm. Lĩnh vực xây dựng cũng chậm lại, phản ánh hoạt động chậm chạp trên thị trường nhà đất. Sự không chắc chắn về triển vọng việc làm đã làm giảm niềm tin của người tiêu dùng và do đó làm giảm tiêu dùng của hộ gia đình.

Nền kinh tế Việt Nam chạm đáy vào nửa cuối năm 2023 và tăng trưởng đạt 6,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Sự phục hồi của xuất khẩu hàng điện tử đã dẫn đến sự thay đổi trong tăng trưởng xuất khẩu. Tâm lý kinh doanh và việc làm dần được cải thiện. Ngoài ra, việc giải ngân vốn đầu tư nhanh chóng cũng giúp thúc đẩy tăng trưởng.

Quốc hội đã đặt mục tiêu tăng trưởng năm 2024 là 6-6,5%. Động lực chính để đạt được điều này là gì?

Chúng tôi dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ tăng vừa phải lên 6% vào năm 2024. Tăng trưởng sẽ được dẫn dắt bởi việc tiếp tục bình thường hóa hàng tồn kho bán lẻ ở Mỹ, sự phục hồi của thị trường bán dẫn toàn cầu và nhu cầu mạnh mẽ hơn từ EU.

Chúng tôi kỳ vọng Việt Nam sẽ tiếp tục đón nhiều khách du lịch hơn, điều này sẽ giúp thúc đẩy tiêu dùng. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được duy trì cũng sẽ thúc đẩy đầu tư vốn và việc làm.

Nhìn về phía trước, rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng đang nghiêng về nhược điểm. Rủi ro giảm giá chính xuất phát từ các yếu tố bên ngoài. Lạm phát tăng cao và chính sách tiền tệ thắt chặt có thể dẫn đến suy thoái kinh tế ở EU và Hoa Kỳ. Trong khi đó, Trung Quốc có thể phải đối mặt với tình trạng tăng trưởng kinh tế yếu hơn do sự yếu kém ngày càng sâu rộng trong lĩnh vực bất động sản.

Trong nước, rủi ro liên quan đến việc sử dụng đòn bẩy quá mức của các nhà phát triển bất động sản. Do một số trái phiếu doanh nghiệp sẽ đáo hạn trong năm nay, một số nhà phát triển có thể gặp khó khăn về tài chính trong bối cảnh vướng mắc pháp lý kéo dài và triển vọng kinh doanh không chắc chắn. Ngoài ra, còn có rủi ro tăng giá tiêu dùng do thời tiết khắc nghiệt ảnh hưởng đến sản xuất lương thực và đồng tiền mất giá.

Chính phủ Việt Nam đã vận dụng linh hoạt các chính sách tiền tệ và tài khóa trong việc giám sát nền kinh tế. Hiệu quả của những chính sách này là gì?

Trước những khó khăn bên ngoài và khó khăn tài chính trên thị trường bất động sản nhà ở, chính sách kinh tế vĩ mô phù hợp hiện nay và kích thích tài chính là phù hợp để hỗ trợ tăng trưởng. Cần phải điều chỉnh lại các biện pháp hỗ trợ hiện có để cung cấp hỗ trợ có mục tiêu và nâng cao hơn nữa hiệu quả của chúng.

Chính sách tài khóa sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế. Việc thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng đã bù đắp những tác động từ những trở ngại bên ngoài ở một mức độ nào đó. Các biện pháp kích thích kinh tế hiện tại, dưới hình thức hoãn thuế và tiền thuê nhà, cũng đã giảm bớt gánh nặng tài chính của doanh nghiệp ở một mức độ nhất định. Để nâng cao hiệu quả của chính sách tài khóa, các biện pháp kích thích có thể được điều chỉnh lại để hỗ trợ các hộ gia đình dễ bị tổn thương và người lao động phi chính thức.

Quan điểm tiền tệ phù hợp hiện nay đã giảm bớt gánh nặng tài chính cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) và các hộ gia đình mắc nợ nhiều. Chính sách này đã giúp củng cố niềm tin của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Trong bối cảnh kinh tế không chắc chắn, điều quan trọng là phải đảm bảo các MSME có khả năng tiếp cận nguồn tài chính và cung cấp đủ vốn cho các lĩnh vực sản xuất. Quy trình phê duyệt các chương trình hỗ trợ tín dụng hiện tại cần được đơn giản hóa, đồng thời các chương trình bảo lãnh tín dụng cho các MSME dễ bị tổn thương cần được tăng cường.

Bà đánh giá thế nào về hiệu quả của Khu vực Thương mại Tự do ASEAN và các hiệp định thương mại tự do (FTA) khác đối với hoạt động của Việt Nam, đặc biệt là về xuất khẩu?

Hiện tại, Việt Nam đang ở vị trí thuận lợi để hưởng lợi từ vô số FTA song phương và đa phương được ký kết trong những năm gần đây, như FTA EU-Việt Nam, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực. .

Số lượng FTA ngày càng tăng đã giúp Việt Nam thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tạo ra nhiều việc làm, thúc đẩy đầu tư trong nước và thúc đẩy xuất khẩu.

PHỤ LỤC 2.2

Đại sứ Đức tại Việt Nam: Doanh nghiệp Đức có cái nhìn tích cực về môi trường kinh doanh tại Việt Nam

Nhân dịp Tết Nguyên đán, Đại sứ Đức tại Việt Nam Guido Hildner trò chuyện với The Investor về mối quan hệ Đức – Việt và mối quan tâm của các công ty Đức đối với môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Những điểm nổi bật trong mối quan hệ Đức-Việt năm 2023 và ý nghĩa của chúng là gì?

Khi nhìn lại năm 2023, tôi nghĩ nhiều nhất đến quá trình bình thường hóa cuộc sống sau đại dịch Covid-19. Đây cũng là động lực quan trọng nhất cho mối quan hệ giữa Việt Nam và Đức bởi điều này đồng nghĩa với việc cuối cùng nhân dân hai nước cũng có thể gặp lại nhau.

Tôi xin kể cho các bạn ví dụ về những cuộc gặp gỡ như vậy: Ngày Khoa học Đức Việt vào tháng 4 và các chuyến thăm của nhiều phái đoàn lớn, như Bang Lower Saxony do Bộ trưởng Stephan Weil dẫn đầu vào tháng 10, và Bang Thuringia do Tổng thống Bodo dẫn đầu. Ramelow vào tháng 11.

Các lĩnh vực đặc biệt mà Việt Nam quan tâm đối với các công ty Đức là gì? Chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn như thế nào?

Bên cạnh môi trường kinh doanh hấp dẫn của Việt Nam, quá trình chuyển đổi xanh và nền kinh tế tuần hoàn là những lĩnh vực được các công ty Đức đặc biệt quan tâm. Với sự tập trung ngày càng tăng của toàn cầu vào phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, Việt Nam đang tích cực thúc đẩy các chương trình nghị sự này, tạo cơ hội đáng kể cho các công ty Đức đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững của đất nước.

Chuyên môn của Đức về năng lượng tái tạo, quản lý chất thải và công nghệ thân thiện với môi trường có thể hỗ trợ rất nhiều cho những nỗ lực của Việt Nam trong lĩnh vực này. Điều này sẽ giúp đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng thương mại và tư nhân về năng lượng tái tạo và tính bền vững, từ đó thu hút nhiều vốn FDI hơn.

Ông và các công ty Đức nhìn nhận môi trường kinh doanh của Việt Nam như thế nào? Họ lo ngại gì về việc mở rộng đầu tư vào Việt Nam? Ông có bất cứ đề xuất nào để cải thiện môi trường kinh doanh?

Các công ty Đức nhìn chung có cái nhìn tích cực về môi trường kinh doanh của Việt Nam, coi đây là điểm đến đầu tư đầy hứa hẹn. Tăng trưởng kinh tế ổn định cùng với những nỗ lực của Chính phủ nhằm cải thiện môi trường kinh doanh thông qua nhiều cải cách và chính sách khác nhau đã tạo ra môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, có những lo ngại nhất định mà các công ty Đức gặp phải khi mở rộng đầu tư vào Việt Nam. Chúng bao gồm các vấn đề liên quan đến tính minh bạch và thủ tục hành chính, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tiếp cận lao động lành nghề và phát triển cơ sở hạ tầng. Giải quyết những mối lo ngại này sẽ nâng cao hơn nữa sức hấp dẫn của Việt Nam như một điểm đến đầu tư.

Để cải thiện môi trường kinh doanh, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ Việt Nam tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường tính minh bạch và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, đầu tư hơn nữa vào phát triển cơ sở hạ tầng, bao gồm giao thông vận tải, hậu cần và năng lượng, sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh tổng thể của đất nước và thu hút thêm đầu tư nước ngoài.

Nhìn chung, Việt Nam có tiềm năng to lớn đối với các công ty Đức và bằng cách giải quyết những mối lo ngại này cũng như cải thiện hơn nữa môi trường kinh doanh, hợp tác kinh tế song phương có thể đạt đến những tầm cao hơn nữa.

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, Việt Nam có thể học hỏi nhiều điều từ Đức và cần sự hỗ trợ của Đức. Triển vọng hợp tác giữa Đức và Việt Nam trong lĩnh vực phát triển như thế nào?

Đức đã hỗ trợ Việt Nam thông qua hợp tác phát triển trong nhiều thập kỷ nay. Trọng tâm của sự hợp tác này đã thay đổi theo thời gian. Trong những năm 1990, hợp tác phát triển của chúng ta tập trung vào cuộc chiến chống đói nghèo, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản và hỗ trợ quá trình chuyển đổi kinh tế.

Với tốc độ tăng trưởng kinh tế ấn tượng của Việt Nam và khả năng ngày càng tăng của đất nước trong việc cung cấp cơ sở hạ tầng xã hội cần thiết, Đức đã điều chỉnh hỗ trợ của mình cho các lĩnh vực cùng quan tâm như năng lượng tái tạo, đào tạo nghề, bảo vệ và khai thác rừng bền vững.

Với việc thừa nhận vị thế của Việt Nam là một quốc gia có thu nhập trung bình và những tác động tương ứng đối với sự hợp tác của chúng ta, Việt Nam đã trở thành đối tác chiến lược cho sự hợp tác của chúng ta. Vì vậy, chúng tôi sẽ tiếp tục - cùng với các đối tác Việt Nam - nỗ lực bảo vệ hàng hóa toàn cầu và phát triển kinh tế xanh và bền vững tại Việt Nam và khu vực.

PHỤ LỤC 3.1

Báo cáo của KPMG: Ý nghĩa của Nghị định 100 đối với ngành bia Việt Nam

Lời tựa

01. Sau đại dịch COVID-19, thị trường bia Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu phục hồi trong năm 2022, vượt doanh số năm 2019.

Bất chấp xu hướng tăng này, năm 2023 vẫn là năm đầy thách thức đối với ngành do một số yếu tố: Chính phủ Việt Nam tăng cường thực thi Nghị định 100, chi phí nguyên liệu sản xuất tăng và giám sát tiêu dùng trong bối cảnh kinh tế bất ổn.

02. Dự báo mới nhất cho năm 2024 cho thấy doanh số bán hàng tại các siêu thị và cửa hàng bán lẻ chậm lại, ngay cả khi có các chương trình khuyến mãi hấp dẫn khi Tết Nguyên Đán đang đến gần.

Tóm tắt tổng quan

01. Bia không cồn/ít cồn

Bia không/ít cồn vẫn chưa phổ biến ở Trung Quốc và đang có xu hướng giảm kể từ năm 2017.

Việt Nam dự báo doanh số bán bia không/ít cồn sẽ tăng trưởng khiêm tốn, với tiềm năng nhu cầu tăng trong dịp Tết 2024*, một phần do Nghị định 100 được thực thi chặt chẽ hơn.

02. Xu hướng cao cấp hóa

Tại Trung Quốc, phân khúc bia cao cấp được dự đoán sẽ tăng trưởng đáng kể nhờ tầng lớp thượng lưu và thượng lưu ngày càng mở rộng.

Ở Việt Nam, trong khi tầng lớp trung lưu đang phát triển nhanh chóng thì phân khúc khá giả và tầng lớp thượng trung lưu lại không tăng trưởng với tốc độ tương đương. Do đó, xu hướng hướng tới bia cao cấp ở Việt Nam có thể sẽ tiến triển một cách chậm rãi hơn.

03. Ngành bia đối mặt nhiều khó khăn phía trước

Việc thực thi nghiêm ngặt Nghị định 100, dự báo kinh tế chậm chạp, chi phí sản xuất leo thang và thuế tiêu thụ đặc biệt cao hơn đối với các sản phẩm rượu bia đang ảnh hưởng chung đến giá bia và xu hướng tiêu dùng tại Việt Nam.

04. Làn sóng không rượu bia của thế hệ trẻ

Hiện đang có xu hướng mới nổi trong tiêu dùng về tính bền vững và ý thức về sức khỏe trên toàn cầu.

* Quan sát của các báo chính thống Việt Nam Tuổi Trẻ & Tiền Phong.

PHỤ LỤC 3.2

Báo cáo của KPMG: Các vấn đề cần nhắc về an ninh mạng năm 2024

Những điểm chính

- Châu Á đang phát triển phải đối mặt với áp lực chi tiêu đáng kể trong quá trình chuyển đổi sang tăng trưởng bền vững và toàn diện hơn.
- Doanh thu yếu hơn và chi tiêu cao hơn để ứng phó với đại dịch virus Corona (Covid-19) đã xóa bỏ thặng dư tài chính hoặc thâm hụt ngân sách ngày càng gia tăng ở nhiều nền kinh tế khu vực.
- Những ước tính mới về năng lực thuế cho thấy rằng, nhìn chung, khu vực châu Á đang phát triển có tiềm năng tăng nguồn thu từ thuế tương đương 3,6% tổng sản phẩm quốc nội.
- Châu Á đang phát triển nên khám phá tiềm năng của các nguồn thuế chưa được khai thác như thuế tài sản, môi trường và y tế có thể đóng góp trực tiếp vào các mục tiêu phát triển và tăng thêm nguồn thu từ thuế.
- Ngoài nỗ lực tăng nguồn thu từ thuế đánh vào, điều quan trọng là phải giảm khu vực phi chính thức và cải thiện sự tuân thủ của người nộp thuế thông qua thuế công bằng và chi tiêu khôn ngoan hơn.

ÁP LỰC TÀI CHÍNH GIA TĂNG

Châu Á đang phát triển phải đối mặt với áp lực chi tiêu đáng kể khi chuyển sang tăng trưởng bền vững và toàn diện hơn. Ngay cả trước đại dịch COVID-19, việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) vào năm mục tiêu 2030 đã đòi hỏi khu vực phải chi thêm 1,5 nghìn tỷ USD hàng năm, tương đương 5% tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Hơn nữa, nhu cầu chi tiêu bổ sung thường lớn hơn ở các nước nghèo nhất. Một minh họa rõ ràng cho xu hướng này là nhu cầu chi tiêu cho tài chính khí hậu: khu vực Thái Bình Dương, chỉ chiếm 0,1% GDP khu vực, chiếm hơn 1,1% tổng tài chính khí hậu hiện tại trong toàn khu vực để đáp ứng mục tiêu đóng góp do quốc gia xác định vào năm 2030. Mặt khác, sự trỗi dậy

của đại dịch có thể làm gia tăng tình trạng thiếu hụt tài chính khi hoạt động sụp đổ làm giảm doanh thu ngay cả khi nhu cầu chi tiêu tăng lên.

Doanh thu yếu hơn và chi tiêu cao hơn đã xóa bỏ thặng dư tài chính hoặc thâm hụt mờ rộng. Sự bùng phát của Covid-19 gây tổn hại cho nền kinh tế và đẩy nhu cầu chi tiêu tăng cao. Trong khi doanh thu chung của chính phủ tại các nước mới nổi và đang phát triển ở châu Á giảm từ 25,0% GDP năm 2019 xuống 23,6% vào năm 2020 thì tổng chi tiêu lại tăng từ 30,7% lên 32,6% trong cùng kỳ, dẫn đến dư nợ chính phủ cao hơn ở mức 73,3% GDP. Vào năm 2022 so với 58,9% vào năm 2019. Ở một số nền kinh tế, nợ đã đạt đến mức khó chịu và dự kiến sẽ còn tăng thêm trong những năm tới. Nhiều chính phủ sẽ yêu cầu củng cố tài chính để đảm bảo tính bền vững tài chính.

Đối với hầu hết các chính phủ, thuế là nguồn thu chính và xác định phần lớn phạm vi chi tiêu công trong trung và dài hạn. Chi tiêu của chính phủ thường vượt quá doanh thu từ thuế, với số dư được tạo thành từ khoản vay và doanh thu ngoài thuế, do đó chi tiêu tăng cùng với doanh thu từ thuế ở Châu Á đang phát triển và các nơi khác. Ở châu Á đang phát triển, mối tương quan giữa các nền kinh tế đảo Thái Bình Dương yếu hơn nhiều. Điều này phản ánh chi phí cao trong việc cung cấp các dịch vụ của chính phủ cho dân cư phân tán và doanh thu phi thuế cao bất thường từ nghề cá, giấy phép tàu đánh cá nước ngoài và hỗ trợ phát triển chính thức. Chi tiêu công trung bình tại các nước đang phát triển ở Châu Á—không bao gồm các nền kinh tế đảo Thái Bình Dương—bằng khoảng 27% GDP, tương đương với các khu vực đang phát triển, nhưng thấp hơn nhiều so với các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD).

Các nước Châu Á đang phát triển cần huy động nguồn thu từ thuế để tài trợ cho chi tiêu công bổ sung nhằm phát triển toàn diện và bền vững. Các chính phủ phải huy động đầy đủ các nguồn tài chính công và tư để đáp ứng nhu cầu chi tiêu lớn. Tuy nhiên, cả doanh thu hoạt động thuộc sở hữu nhà nước và dòng tài chính tư nhân đều có thể không đáng tin cậy. Đối với hầu hết các chính phủ, thuế là nguồn thu chính và là lựa chọn tốt nhất để mở rộng nguồn lực của chính phủ một cách đáng tin cậy. Thách thức trọng tâm đối với các chính phủ là tăng thêm doanh thu mà không phải hy sinh tốc độ tăng trưởng kinh tế quan trọng để giảm nghèo hơn nữa và nâng cao mức sống.

Trong khi thuế thường bóp méo hoạt động kinh tế và áp đặt chi phí phúc lợi, việc kết hợp thuế hiệu quả và công bằng sẽ góp phần vào tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và toàn diện. Một hệ thống thuế mạnh mẽ là điều cần thiết không chỉ để tăng doanh thu cho chi tiêu công mà còn xây dựng năng lực của nhà nước để thúc đẩy phát triển rộng hơn. Các thể chế nhà nước và hệ thống thuế cùng nhau phát triển để củng cố lẫn nhau khi hệ thống thuế mạnh hơn cung cấp cho các quốc gia các nguồn lực để xây dựng các thể chế mạnh nhằm hỗ trợ phát triển, khuyến khích sự sẵn lòng tuân thủ thuế và đơn giản hóa việc thu thuế. Khả năng tăng thuế đầy đủ sẽ củng cố chủ quyền quốc gia bằng cách giảm sự phụ thuộc vào các bên cho vay bên ngoài.

Doanh thu từ thuế ở các nước đang phát triển ở Châu Á nhìn chung vẫn ở mức thấp so với tiêu chuẩn quốc tế, với tỷ trọng doanh thu từ thuế thu nhập cá nhân thấp hơn. Ví dụ, tỷ lệ thuế trên GDP của các nền kinh tế này vẫn ở dưới ngưỡng tối thiểu thường được áp dụng là khoảng 15%. Châu Á đang phát triển có thể tăng doanh thu thuế từ mức trung bình trước đại dịch là khoảng 16% GDP thêm 3–4 điểm phần trăm. Khu vực này phụ thuộc nhiều vào thuế giá trị gia tăng (VAT) và các loại thuế tiêu dùng khác, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt. Tính trung bình, tổng số thu từ các loại thuế này chỉ chiếm gần một nửa tổng số thu thuế ở các nền kinh tế khu vực. Những cổ phiếu này có thể so sánh được với những cổ phiếu ở các khu vực khác; và thuế thu nhập doanh nghiệp ở Châu Á đang phát triển chiếm khoảng 21% doanh thu thuế - cao hơn một chút so với các khu vực đang phát triển khác và gấp đôi tỷ lệ ở các nước OECD. Mặt khác, thuế thu nhập cá nhân ở châu Á đang phát triển chiếm 13% doanh thu thuế - thấp hơn nhiều so với các nước OECD, nơi các loại thuế này chiếm hơn 1/3 doanh thu thuế.

HUY ĐỘNG DOANH THU VÀ CẢI CÁCH LÀ NHU CẦU CẤP THIẾT

Phân tích của ADB cho thấy dư địa đáng kể để tăng thêm nguồn thu từ thuế ở Nam và Đông Nam Á. Năng lực thuế là mức thu thuế tối đa về mặt lý thuyết mà một nền kinh tế có thể huy động, dựa trên đặc điểm của nó; và nỗ lực thuế là tỷ lệ giữa doanh thu thuế thực tế và khả năng đóng thuế. Nỗ lực đánh thuế cao cho thấy việc thu thuế thực tế đã gần đạt đến khả năng thu thuế và do đó ít có khả năng tăng thu. Nỗ lực thấp cho thấy có nhiều cơ hội hơn để có doanh thu cao hơn bằng cách tăng thuế suất, mở rộng cơ sở tính thuế hoặc cải thiện tính tuân thủ. Các ước tính mới về năng lực thuế chỉ ra rằng châu Á đang phát triển có thể tăng doanh thu từ thuế trung bình tương đương 3,6% GDP, một con số rất đáng kể so với mức thuế thấp hiện nay. Nỗ lực về thuế còn thấp và tiềm năng tăng thuế là rất lớn ở Đông Nam Á, đặc biệt là ở Malaysia và Thái Lan. Ngược lại, nỗ lực về thuế và doanh thu thực tế lại tương đối cao ở Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC), Hàn Quốc và một số nền kinh tế đảo Thái Bình Dương. Có sự khác biệt đáng kể giữa các tiểu vùng về năng lực thuế và nỗ lực về thuế, điều này nhấn mạnh sự cần thiết phải có các phương pháp tiếp cận dành riêng cho từng nền kinh tế để tăng doanh thu.

Thực hiện thuế lũy tiến là rất quan trọng để khắc phục tình trạng bất bình đẳng quá mức. Trọng tâm của hệ thống thuế lũy tiến là thuế thu nhập cá nhân với thuế suất cận biên áp đặt nghĩa vụ thuế cao hơn tương ứng đối với những người có thu nhập cao hơn. Thách thức chính trong việc tăng doanh thu thuế thu nhập cá nhân ở các nền kinh tế đang phát triển là tình trạng tự kinh doanh phổ biến vì việc thiếu thông tin của bên thứ ba cản trở việc thực thi. Tỷ lệ cận biên cao nhất trung bình khoảng 27% thấp hơn nhiều so với mức 40% ở các nước OECD, nhưng điều này che khuất sự khác biệt lớn trong khu vực. Ấn Độ, Papua New Guinea và Trung Quốc có mức thuế suất cận biên cao nhất tương đương hoặc cao hơn mức trung bình của OECD, trong khi nhiều nền kinh tế Trung Á áp dụng mức thuế suất cố định từ 10%–13%.

Thuế tài sản có tính lũy tiến, hiệu quả và khó trốn tránh. Thuế thu nhập lũy tiến có thể không đủ để giảm bất bình đẳng ở một số nền kinh tế. Ở những nền kinh tế có sự phân bổ của cải rất chênh lệch và lợi nhuận trên vốn cao hơn tiền

lượng một cách không tương xứng, sự kết hợp giữa thuế thu nhập lũy tiến với một số loại thuế vốn là cần thiết để duy trì sự bất bình đẳng dưới mức chấp nhận được. Một thách thức lớn trong việc thực hiện thuế tài sản chung là tính di động của tài sản, nhưng tài sản bất động sản ít di chuyển hơn và do đó không thể dễ dàng dịch chuyển. Ngoài ra, thuế tài sản có thể tăng nguồn thu của chính quyền địa phương và có thể được sử dụng để trang trải chi phí ngày càng tăng cho các dịch vụ công ở các thành phố đang trong quá trình đô thị hóa nhanh chóng, đây là một thách thức ở một số khu vực đang phát triển ở Châu Á. Hầu hết các nền kinh tế ở châu Á đang phát triển đều đánh thuế tài sản, nhưng những loại thuế này thường mang lại rất ít doanh thu - trung bình chỉ bằng vài phần mười điểm phần trăm của GDP. Các chính phủ phải cải thiện việc định giá tài sản để nắm bắt giá trị gia tăng và tạo điều kiện tăng trưởng cơ sở tính thuế.

Doanh thu thuế thu nhập doanh nghiệp cũng phải đối mặt với nhiều áp lực xói mòn ở châu Á đang phát triển. Các chính phủ được thúc đẩy bởi mong muốn thu hút vốn di động quốc tế và duy trì khả năng cạnh tranh đã giảm đều đặn thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trên toàn khu vực trong vài thập kỷ qua. Tỷ lệ này thường là 20% trên khắp châu Á đang phát triển, giảm từ mức 30% vào năm 2000 và thấp hơn một chút so với mức trung bình của Mỹ Latinh và OECD. Ngoài sự cạnh tranh quốc tế trong việc giảm thuế suất theo luật định, ưu đãi thuế thường được lạm dụng để tăng đầu tư kinh doanh với lý do đầu tư cao hơn cuối cùng sẽ làm tăng doanh thu thuế, điều mà một nghiên cứu cho thấy không phải như vậy. Ngoài ra, việc mở rộng hoạt động của các doanh nghiệp đa quốc gia cho phép họ khai thác điểm yếu của khuôn khổ thuế quốc tế. Do chuyển lợi nhuận và tránh thuế đối với các giao dịch xuyên biên giới, 4%–10% doanh thu thuế thu nhập doanh nghiệp bị thất thoát trên toàn cầu, với mức lỗ lớn hơn ở các nước đang phát triển.

Thuế môi trường và thuế y tế có thể đóng góp trực tiếp vào SDG bằng cách điều chỉnh hành vi và tăng thêm doanh thu. Một số nền kinh tế châu Á áp dụng một số loại thuế môi trường, bao gồm thuế đánh vào nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm. Tuy nhiên, năm 2018, doanh thu từ thuế năng lượng, ô nhiễm và giao thông vận tải tại một mẫu nền kinh tế ở châu Á đang phát triển chỉ đạt 0,8% GDP, thấp hơn nhiều so với mức 2,3% ở các nước OECD. Các biện pháp điều chỉnh thuế y tế, chủ yếu đánh vào việc tiêu thụ rượu và thuốc lá, cũng trở nên phổ biến hơn ở các nước đang phát triển ở châu Á. Những loại thuế này có thể ngăn cản việc tiêu thụ các sản phẩm có hại và tiết kiệm chi phí kinh tế xã hội đáng kể bằng cách ngăn chặn tỷ lệ tử vong sớm do chế độ ăn uống không lành mạnh. Tỷ lệ tử vong do các bệnh không lây nhiễm ở châu Á đang phát triển đã tăng đáng kể - từ 52% năm 1990 lên 77% vào năm 2019. Ở các nền kinh tế có thu nhập thấp và trung bình, các khoản thuế y tế khắc phục này cũng có thể tăng thêm thuế bổ sung lên tới 0,6% GDP doanh thu.

Các khoản chi thuế tổn kém cần được rà soát, siết chặt, đặc biệt là thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi tiêu thuế được sử dụng rộng rãi ở các nước đang phát triển ở châu Á và gây thất thoát nguồn thu đáng kể. Khoản thu bị mất trong một mẫu khảo sát của các nền kinh tế ở Châu Á đang phát triển là rất lớn, trung bình bằng 2% GDP hoặc 14% doanh thu thuế. Việc miễn thuế VAT có thể mang lại lợi ích cho người nghèo, nhưng chúng thường mang lại lợi ích cho người giàu nhiều hơn vì họ tiêu dùng nhiều hơn, khiến việc miễn thuế nhìn chung không có tác dụng cải thiện vốn chủ sở hữu một cách hiệu quả. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí thuế tạm thời thường được áp dụng theo chu kỳ giảm và liên tục được gia hạn trong thời gian dài hơn. Các biện pháp kích thích tạm thời nên được cho phép hết hiệu lực, việc hoãn thuế phải được cơ cấu lại và việc cắt giảm thuế kích thích phải được loại bỏ dần dần. Chính phủ nên đơn giản hóa việc miễn thuế và hợp lý hóa cơ cấu thuế suất trước khi tăng thuế suất để cải thiện sự tuân thủ của người nộp thuế.

KẾT LUẬN

Các nước Châu Á đang phát triển thoát khỏi đại dịch COVID-19 với tình hình tài chính công suy yếu. Mặc dù tài chính tư nhân có vai trò quan trọng nhưng việc đạt được các mục tiêu SDG cho một tương lai xanh hơn và toàn diện hơn đòi hỏi phải chi tiêu công rất lớn. Chi tiêu công hiệu quả hơn có thể giải phóng các nguồn lực tài chính bổ sung, nhưng việc huy động nguồn thu bổ sung thông qua thuế là điều cần thiết để tăng cường không gian tài khóa trên toàn khu vực. Cải cách thuế cơ bản đảm bảo thời điểm thực hiện phù hợp, sự lãnh đạo mạnh mẽ và ý chí chính trị ở các cấp cao nhất của chính phủ; và tốt nhất nên thực hiện việc này song song với các nỗ lực tăng cường quản lý thuế và nâng cao tinh thần của người nộp thuế.

PHỤ LỤC 3.3

Báo cáo của ADB: Báo cáo hội nhập kinh tế châu Á 2024: Chuỗi giá trị toàn cầu khử cacbon

Các điểm nổi bật

Hội nhập khu vực đã phát triển ổn định kể từ giữa những năm 2000 với sự khác biệt giữa các lĩnh vực và tiểu vùng. Dựa trên Chỉ số hợp tác và hội nhập khu vực châu Á - Thái Bình Dương (ARCII), khu vực này cho thấy sự hội nhập tương đương với Liên minh châu Âu (EU) trong chuỗi giá trị khu vực, cùng với con người và hội nhập xã hội. Tiến bộ đáng kể nhất được ghi nhận ở khía cạnh công nghệ và kết nối kỹ thuật số của Châu Á và Thái Bình Dương, được thúc đẩy bởi việc nhiều nền kinh tế áp dụng các chính sách chuyển đổi kỹ thuật số, tốc độ này đã tăng lên trong đại dịch bệnh vi-rút Corona (Covid-19). Tuy nhiên, hội nhập thương mại và đầu tư đã chậm lại phần nào kể từ năm 2019. Trong khi hội nhập nội vùng tăng trưởng nhanh hơn hội nhập liên tiểu vùng ở Đông Nam Á, Đông Á và Trung Á, thì Nam Á lại thể hiện sự hội nhập sâu sắc hơn với các tiểu vùng khác trong châu Á tính đến năm 2021. Hội nhập khu vực đã trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. một vùng đệm quan trọng chống lại các cú sốc toàn cầu và giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của chúng. Trong khi chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và rủi ro của sự phân mảnh toàn cầu tạo ra những thách thức kinh tế, thì việc tăng cường hợp tác và đầu tư vào kết nối—cả cơ sở hạ tầng “mềm” (quy định) và “cứng”—có thể tăng cường khả năng phục hồi kinh tế và mang lại lợi ích

chung. Đối thoại và thảo luận chặt chẽ hơn về các chính sách khu vực sẽ giúp các nền kinh tế châu Á đáp ứng tốt hơn những thách thức và rủi ro về tính dễ bị tổn thương của chuỗi cung ứng và biến đổi khí hậu.

Chương chủ đề: Chuỗi giá trị toàn cầu khử cacbon

- **Tác động của biến đổi khí hậu do con người gây ra đối với môi trường tự nhiên, nền kinh tế và xã hội có thể sẽ rất rộng và sâu rộng, trong đó các nền kinh tế châu Á bị ảnh hưởng nặng nề.** Danh sách này còn dài—nhiệt độ cao hơn, hạn hán, khan hiếm nước, hỏa hoạn nghiêm trọng, mực nước biển dâng cao, đại dương nóng lên và axit hóa, lũ lụt, bão và suy giảm đa dạng sinh học, cùng nhiều vấn đề khác. Tất cả những điều này sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe con người, sản xuất lương thực, khả năng tiếp cận nguồn nước ngọt và đại dương, năng suất và cơ sở hạ tầng quan trọng. Các nền kinh tế đang phát triển ở Châu Á và Thái Bình Dương đặc biệt dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu, mặc dù trước đây ít đóng góp vào phát thải khí nhà kính. Biến đổi khí hậu dự kiến sẽ ảnh hưởng không cân xứng đến các nền kinh tế trong khu vực do họ phải đối mặt với các mối nguy hiểm tự nhiên, các hiện tượng thời tiết cực đoan và nguồn lực hạn chế để giảm thiểu và thích ứng.
- **Bắt chấp tốc độ tăng trưởng chậm lại, lượng phát thải khí nhà kính (GHG) do con người gây ra vẫn tiếp tục tăng, trong đó các nền kinh tế châu Á đóng góp đáng kể vào sự gia tăng này.** Nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu do con người gây ra là việc đốt nhiên liệu hóa thạch, làm tăng nồng độ khí nhà kính trong khí quyển. Lượng khí thải carbon dioxide (CO₂) từ nhiên liệu hóa thạch và công nghiệp là nguyên nhân chính gây ra sự gia tăng này. Châu Á đang phát triển chiếm tỷ lệ phát thải CO₂ lớn và ngày càng tăng do cơ cấu sản xuất toàn cầu bị ảnh hưởng bởi sự gia tăng của GVC, động thái dân số và thay đổi công nghệ. Giảm thiểu biến đổi khí hậu đòi hỏi một sự thay đổi cơ bản trong hành vi của con người và quá trình khử cacbon nhanh chóng trong sản xuất. Việc giảm lượng khí thải CO₂ liên quan đến GVC đặt ra những thách thức cụ thể, với tính chất toàn cầu của khí thải khiến chúng khó được điều chỉnh chỉ thông qua các chính sách trong nước.
- **Lượng khí thải CO₂ có thể được coi là phản ánh cả hiệu ứng quy mô và cường độ, với sự phát triển của hai hiệu ứng này diễn ra theo hướng trái ngược nhau trong những năm gần đây.** Lượng khí thải CO₂ ở châu Á đang phát triển tăng nhanh trong giai đoạn 1995–2018, với lượng khí thải tăng 114% trong giai đoạn này. Điều này mặc dù cường độ sản xuất CO₂ đã giảm đáng kể, nhưng không đủ lớn để bù đắp cho sự gia tăng lượng khí thải CO₂ do việc mở rộng nhanh chóng quy mô sản xuất. Cường độ CO₂ rất khác nhau giữa các nền kinh tế và các lĩnh vực. Trên nhiều lĩnh vực, giá trị này giảm nhanh chóng trong giai đoạn 1995–2018, phản ánh những tiến bộ công nghệ, hiệu quả được cải thiện và sự phân bổ lại sản xuất trong các ngành thông qua GVC. Ở châu Á đang phát triển, thay đổi cơ cấu đã đóng một vai trò hạn chế trong việc giảm cường độ phát thải tổng hợp, với mức giảm chủ yếu là do những thay đổi trong nội bộ các ngành hơn là chuyển sang các ngành ít phát thải hơn. GVC có tác động quan trọng đến cả quy mô và cường độ phát thải CO₂. Mặc dù mức độ sản xuất GVC tăng lên có liên quan đến mức tăng phát thải CO₂ tương tự, nhưng tỷ lệ phát thải CO₂ do GVC có xu hướng lớn hơn tỷ trọng của chúng trong giá trị gia tăng - cho thấy hoạt động GVC đóng vai trò lớn hơn trong việc tạo ra phát thải. Các lĩnh vực liên quan đến GVC có xu hướng phát thải tương đối nhiều khí thải, với tỷ lệ hoạt động GVC cao hơn được chứng minh là có mối liên hệ tích cực với cường độ phát thải tổng hợp cao hơn. Những mối liên hệ này khác nhau giữa các nền kinh tế phát triển và đang phát triển, trong đó hoạt động GVC ở các nền kinh tế đang phát triển có xu hướng phát thải nhiều hơn so với các nền kinh tế phát triển.
- **Có mối quan hệ phức tạp giữa thương mại quốc tế, GVC và phát thải khí nhà kính.** Mặc dù thương mại quốc tế vẫn là một kênh thiết yếu kết nối các mạng lưới sản xuất toàn cầu và là nguồn phát thải khí nhà kính đáng kể, nhưng nó cũng có tiềm năng góp phần giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu bằng cách tạo điều kiện trao đổi hàng hóa phát thải thấp, công nghệ xanh và tăng cường sản xuất hiệu quả. Việc mở rộng GVC thường được coi là mang lại cơ hội cho các nền kinh tế đang phát triển hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và công nghiệp hóa. Nhưng nó cũng tạo ra những thách thức cho việc giảm thiểu biến đổi khí hậu. Việc tách tiêu dùng khỏi sản xuất trong GVC làm tăng mối lo ngại về việc các công ty chuyển sản xuất sang các khu vực có quy định môi trường yếu hơn (giả thuyết thiên đường ô nhiễm), có khả năng dẫn đến lượng khí thải cao hơn. Các nhà hoạch định chính sách ngày càng lo ngại về lượng khí thải carbon của GVC và khả năng rò rỉ carbon sang các khu vực có quy định lỏng lẻo hơn. Giảm thiểu biến đổi khí hậu đòi hỏi phải chuyển hướng khỏi sản xuất dựa trên carbon, gây ra rủi ro tiềm ẩn cho mô hình GVC hiện tại. Mô hình này đã góp phần phát triển kinh tế ở nhiều nền kinh tế nhưng cũng làm tăng mức tiêu thụ năng lượng, khí thải và chất thải.
- **Lượng phát thải CO₂ tiếp tục tăng nhanh, trong đó GVC ở các nền kinh tế đang phát triển ở Châu Á chiếm tỷ trọng ngày càng tăng.** Trong giai đoạn 1995–2018, lượng khí thải CO₂ toàn cầu tăng trung bình 2,1% mỗi năm. Trong khi tốc độ tăng trưởng sau năm 2010 (1,8%) thấp hơn trước (2,2%), lượng phát thải vẫn tiếp tục tăng nhanh. Sản xuất trong nước để tiêu dùng trong nước vẫn là nguồn phát thải lớn nhất, chiếm gần 2/3 lượng phát thải. GVC chiếm 14% lượng phát thải CO₂ vào năm 2018, tăng từ 12% vào năm 1995. Mặc dù đóng vai trò tương đối nhỏ trong tổng lượng phát thải, sự đóng góp ngày càng tăng của GVC vào tổng lượng phát thải CO₂ đến từ sự tăng trưởng nhanh chóng trong sản lượng phát thải của chúng. Tỷ lệ phát thải liên quan đến GVC toàn cầu của Châu Á đang phát triển đã tăng đáng kể trong giai đoạn 1995–2018, đạt 42% vào năm 2018. Trong khi tăng trưởng dân số là một yếu tố, thì lượng phát thải CO₂ bình quân đầu người cũng tăng ở khắp Châu Á đang phát triển, trái ngược với các khu vực khác. Vai trò ngày càng tăng của Châu Á đang phát triển trong phát thải liên quan đến GVC một phần là do định vị GVC, cơ cấu ngành và trình độ công nghệ của việc tích hợp GVC. Châu Á đang phát triển hiện là nhà cung cấp ròng, xuất khẩu lượng khí thải CO₂ chứa trong các sản phẩm trung gian nhiều hơn so với nhập khẩu.

Ngược lại, các khu vực phát triển như Bắc Mỹ, EU cộng với Vương quốc Anh và châu Á phát triển nhập khẩu nhiều lượng khí thải CO₂ thông qua các sản phẩm trung gian hơn là xuất khẩu trong GVC.

- **Hợp tác quốc tế là rất quan trọng để giải quyết hiệu quả thách thức của biến đổi khí hậu.** Bất chấp những nỗ lực cấp quốc gia và địa phương nhằm thực hiện định giá carbon, cuộc khủng hoảng khí hậu trên toàn thế giới và sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế ngày càng tăng đòi hỏi phải tăng cường phối hợp toàn cầu. Hợp tác toàn cầu được tăng cường có thể tạo ra một môi trường chính sách mạch lạc và dễ dự đoán hơn, tăng tính minh bạch và huy động các nguồn lực tài chính và kỹ thuật để khắc phục những hạn chế về năng lực và thúc đẩy phổ biến công nghệ xanh, đặc biệt là cho các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi. Tuy nhiên, sự phối hợp toàn cầu trong việc giảm thiểu biến đổi khí hậu vẫn còn yếu. Những thách thức lớn đối với sự phối hợp toàn cầu trong việc định giá carbon phát sinh từ các vấn đề về tự do đi lại và sự công bằng. Khả năng đi xe miễn phí khiến cho việc phối hợp trở nên khó khăn, vì các nền kinh tế có thể chọn không tham gia định giá carbon trong khi vẫn thu được lợi ích từ việc sản xuất carbon. Vấn đề công bằng bắt nguồn từ những đóng góp lịch sử vào lượng khí thải toàn cầu, trong đó các nền kinh tế phát triển trước đây phát thải nhiều hơn. Nguyên tắc trách nhiệm chung nhưng có sự khác biệt thừa nhận những khác biệt này nhưng lại gây khó khăn cho việc tìm ra mức giá carbon toàn cầu chung.
- **Định giá carbon thường được coi là cơ chế then chốt để giải quyết vấn đề phát thải CO₂ và GHG trong quá trình sản xuất.** Định giá carbon, thông qua thuế carbon hoặc hệ thống giao dịch khí thải (ETS), nhằm mục đích nội hóa chi phí xã hội của phát thải, khuyến khích các công ty giảm cường độ carbon và chuyển đổi sang các phương pháp sản xuất sạch hơn. Bất chấp những nỗ lực ở nhiều khu vực pháp lý khác nhau nhằm thực hiện chính sách định giá carbon, vẫn còn những lo ngại về tốc độ và mức độ ứng phó toàn cầu đối với cuộc khủng hoảng khí hậu. Mặc dù nhiều chính sách định giá carbon đã được áp dụng trên toàn cầu nhưng chỉ một tỷ lệ nhỏ lượng khí thải được kiểm soát ở mức được coi là cần thiết để ngăn nhiệt độ tăng thêm 2°C, mức cao nhất của giới hạn trong Thỏa thuận Paris. Tính chất rời rạc của việc định giá carbon ở các khu vực pháp lý khác nhau làm tăng nguy cơ rò rỉ carbon. Để giải quyết vấn đề này, cơ chế điều chỉnh lượng carbon biên giới (BCA) đã được đề xuất như một cách tạo sân chơi bình đẳng, đảm bảo rằng các nhà sản xuất nước ngoài phải đối mặt với mức giá carbon tương đương trên thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, BCA làm tăng mối lo ngại về tính công bằng và bình đẳng, có khả năng ảnh hưởng đến các nhà xuất khẩu, đặc biệt là ở các nền kinh tế cung cấp GVC và các nền kinh tế đang phát triển.
- **Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU sẽ giảm rò rỉ carbon, nhưng nó sẽ có tác động hạn chế đến việc giảm phát thải toàn cầu trong khi giảm đáng kể xuất khẩu vào EU từ một số tiểu vùng châu Á.** Những lo ngại về khả năng cạnh tranh, rò rỉ carbon và những thiếu sót của ETS của EU đã dẫn đến CBAM, cơ chế điều chỉnh biên giới đầu tiên. Ban đầu nhắm mục tiêu vào các sản phẩm sử dụng nhiều carbon như xi măng, thép và nhôm, EU coi CBAM là công cụ để điều chỉnh giá carbon toàn cầu và đẩy nhanh việc giảm phát thải trên toàn thế giới. Đối với các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á, với cường độ CO₂ cao trong các lĩnh vực như kim loại đen, CBAM có thể tạo ra những thách thức—ví dụ: thuế giá trị gia tăng tương đương 100 euro cho mỗi tấn CO₂, giá dao động từ 3% đến 12%. Các ước tính sử dụng mô hình cân bằng chung có thể tính toán (CGE) cho thấy CBAM có thể giảm lượng rò rỉ carbon khoảng một nửa so với sơ đồ ETS có giá carbon tương tự. Mặc dù ETS và CBAM của EU có thể có tác động trực tiếp hạn chế đến phát thải—giảm phát thải trên toàn cầu khoảng 1,3% ở mức 100 Euro/tấn CO₂ và 2,2% ở mức 200 Euro/tấn CO₂—nó có thể ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu sang các nước EU. Việc chuyển sang mức giá €100/tấn CO₂ có thể dẫn đến sự sụt giảm đáng kể trong xuất khẩu đối với một số khu vực châu Á, đặc biệt là Trung và Tây Á, nơi có tỷ trọng xuất khẩu được CBAM chi trả tương đối cao sang EU. Đồng thời, việc cắt giảm sản xuất CBAM của EU có thể lan sang nhiều lĩnh vực, như máy tính, thiết bị điện và quang học, ô tô và các bộ phận trong EU thông qua các liên kết đầu vào-đầu ra công nghiệp..
- **Việc mở rộng CBAM sang các khu vực ngoài EU có thể giảm đáng kể lượng khí thải CO₂.** Xem xét các kịch bản trong đó các nền kinh tế khác của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và các thành viên khu vực của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) thực hiện cả ETS và BCA, việc lập mô hình cho thấy rằng lượng khí thải CO₂ toàn cầu có thể giảm khoảng 8,7% ở mức € 100 mỗi tấn CO₂ và 15% ở mức 200 € mỗi tấn CO₂. Lượng khí thải giảm được bao nhiêu tùy thuộc vào mức độ bao phủ và giá carbon, nhấn mạnh sự cần thiết phải xem xét cẩn thận các yếu tố này trong việc thiết kế và thực hiện các cơ chế này. Việc mở rộng các chính sách này cũng được dự đoán sẽ dẫn đến sự sụt giảm đáng kể trong thương mại toàn cầu, làm nổi bật sự đánh đổi tiềm năng giữa giảm phát thải và hội nhập toàn cầu. Ví dụ, việc mở rộng CBAM sang các nền kinh tế OECD khác được ước tính sẽ làm giảm xuất khẩu trung bình của các nước đang phát triển ở châu Á xuống 1,9% ở mức giá 100 Euro/tấn CO₂ và 3,7% ở mức 200 Euro/tấn CO₂. Tác động kinh tế tiêu cực và phân phối dự kiến đối với các thành viên đang phát triển của ADB trong mô hình mở rộng (OECD và các thành viên khu vực của ADB) cho thấy sự cần thiết phải có cơ chế bồi thường phù hợp trên phạm vi quốc tế để thu hút các thành viên đang phát triển của ADB tham gia vào cơ cấu định giá carbon và BCA.
- **Các khuôn khổ tính toán hiện tại để đo lường phát thải hiện tại còn kém phát triển, hạn chế tính hiệu quả của các chính sách khí hậu.** Việc đo lường chính xác lượng khí thải trong hàng hóa và dịch vụ là rất quan trọng để có cách tiếp cận hiệu quả đối với quá trình chuyển đổi ròng bằng 0, chẳng hạn như định giá carbon và BCA. Tuy nhiên, các khuôn khổ hiện tại vẫn chưa được phát triển, với thách thức đo lường rõ ràng hơn khi xem xét phát thải gián tiếp, chẳng hạn như phát thải Phạm vi 2 và Phạm vi 3. Mặc dù các ước tính về lượng khí thải CO₂ của một nền kinh tế nhìn chung là đáng tin cậy, nhưng việc đo lường khí thải gắn liền với sản phẩm lại phức tạp hơn và khác nhau giữa các nền kinh tế, doanh nghiệp và thời gian. Các khuôn khổ tính toán phát thải công cộng (EEF) có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc loại bỏ GVC ở cả nền kinh tế phát triển và đang phát triển. Chúng tạo

điều kiện thuận lợi cho việc đo lường, báo cáo, xác minh và quản lý, đồng thời hỗ trợ các nỗ lực tránh rò rỉ carbon trên toàn cầu và trong nước trong bối cảnh các chính sách khí hậu liên quan đến thương mại. Để thành công, EEF cần được thiết kế cẩn thận để phù hợp với các khuôn khổ trong nước và quốc tế cũng như của các đối tác thương mại lớn, vì hợp tác toàn cầu là rất quan trọng để thiết lập một cách tiếp cận cơ bản, chung. Khi làm điều này, điều quan trọng là phải tránh một cơ chế quá phức tạp gây bất lợi cho các nhà sản xuất nhỏ hơn và nền kinh tế bị hạn chế về tài nguyên.

- **Chính sách thương mại có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.** Thương mại và chính sách thương mại có tiềm năng trở thành động lực để giảm lượng khí thải CO₂. Nó có thể ảnh hưởng đến sự chuyển động toàn cầu của các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với khí hậu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ xanh, khuyến khích các tiêu chuẩn môi trường cao hơn và đóng vai trò như một lực lượng bên ngoài để tăng cường quản lý. Tuy nhiên, các chính sách thương mại hiện nay thường ưu tiên nhập khẩu nhiều carbon xx Điểm nổi bật XXI, với rào cản thấp hơn đối với hàng nhập khẩu có hàm lượng carbon cao và rào cản thấp hơn đối với hàng hóa có hàm lượng carbon cao. Sự thiên vị này, phần lớn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố không liên quan đến chính sách thương mại, được ước tính tương đương với mức giá carbon âm là 90 USD/tấn CO₂, có khả năng cản trở nỗ lực giảm lượng khí thải toàn cầu. Các hiệp định thương mại ưu đãi (PTA) cũng có thể giúp loại bỏ GVC, với số lượng và quy mô của các PTA cũng như số lượng PTA có các điều khoản về môi trường tăng nhanh trong những năm gần đây. Bằng chứng cho thấy rằng phạm vi của PTA giữa các nền kinh tế có liên quan đến cường độ phát thải CO₂ thấp hơn một chút trong GVC, trong khi tác động quy mô của PTA dẫn đến lượng phát thải CO₂ tổng thể lớn hơn. Việc đưa các điều khoản về môi trường vào PTA, đặc biệt là các điều khoản hạn chế buôn bán hàng hóa bản, có thể làm giảm lượng khí thải được giao dịch trong PTA. Sự gia tăng một độ lệch chuẩn trong tỷ lệ các điều khoản môi trường hạn chế thương mại trong PTA có liên quan đến việc giảm lượng khí thải CO₂ trong GVC là 1,2%, với hiệu ứng quy mô chiếm 0,34 điểm phần trăm và hiệu ứng cường độ 0,90 điểm phần trăm.
- **Ngoài việc định giá carbon và hội nhập khu vực, có thể thực hiện nhiều bước khác để loại bỏ GVC.** Chi phí giảm của công nghệ xanh, đặc biệt là trong sản xuất năng lượng, có thể thúc đẩy việc áp dụng rộng rãi chúng. Với các sáng kiến chính sách gần đây, bao gồm Đạo luật giảm lạm phát của Hoa Kỳ và cách tiếp cận đổi mới theo định hướng sứ mệnh của EU, khuyến khích hơn nữa nghiên cứu và phát triển năng lượng tái tạo, cơ hội tăng cường cạnh tranh trong công nghệ xanh và cung cấp các công nghệ mới liên quan đến khí hậu là rất lớn. Để có tác động tối đa đến việc giảm phát thải, những công nghệ này cần được phổ biến rộng rãi, đặc biệt là từ các nền kinh tế phát triển đến đang phát triển. Việc phổ biến công nghệ tới các nền kinh tế đang phát triển có thể được tạo điều kiện thuận lợi bởi GVC và các doanh nghiệp đa quốc gia, có khả năng cho phép các nền kinh tế này nhảy vọt vào công nghệ xanh đồng thời tránh sản xuất dựa trên carbon. Công nghệ và phổ biến công nghệ có khả năng loại bỏ mọi sự đánh đổi tồn tại giữa nỗ lực giảm CO₂ và sản xuất GVC, giảm phát thải đồng thời khuyến khích sản xuất, thương mại và GVC. Các ngân hàng phát triển đa phương có thể đóng một vai trò quan trọng bằng cách hỗ trợ cơ sở hạ tầng xanh và phổ biến công nghệ, đồng thời tạo điều kiện đầu tư bền vững dọc theo chuỗi giá trị và đảm bảo tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc phát thải CO₂ trong GVC.

PHỤ LỤC 3.4

Báo cáo của WEF: Báo cáo Rủi ro Toàn cầu 2024

Những phát hiện quan trọng

Báo cáo Rủi ro Toàn cầu 2024 trình bày những phát hiện của Khảo sát Nhận thức Rủi ro Toàn cầu (GRPS), thu thập thông tin chi tiết từ gần 1.500 chuyên gia toàn cầu. Báo cáo phân tích rủi ro toàn cầu thông qua ba khung thời gian để hỗ trợ những người ra quyết định cân bằng các cuộc khủng hoảng hiện tại và các ưu tiên dài hạn. Chương 1 khám phá những rủi ro nghiêm trọng nhất hiện nay và những rủi ro được những người tham gia khảo sát xếp hạng cao nhất trong khoảng thời gian hai năm, phân tích sâu ba rủi ro đã nhanh chóng lọt vào top 10 bảng xếp hạng trong khoảng thời gian hai năm. Chương 2 tập trung vào những rủi ro hàng đầu xuất hiện trong thập kỷ tới trong bối cảnh những thay đổi về địa chiến lược, khí hậu, công nghệ và nhân khẩu học, đi sâu hơn vào bốn triển vọng rủi ro cụ thể. Báo cáo kết luận bằng cách xem xét các phương pháp tiếp cận nhằm giải quyết các khía cạnh phức tạp và phi tuyến tính của rủi ro toàn cầu trong giai đoạn phân mảnh toàn cầu này. Dưới đây là những phát hiện chính của báo cáo.

Triển vọng toàn cầu đang xấu đi

Nhìn lại các sự kiện của năm 2023, rất nhiều diễn biến đã thu hút sự chú ý của mọi người trên khắp thế giới – trong khi những diễn biến khác nhận được rất ít sự giám sát. Những nhóm dân cư dễ bị tổn thương phải vật lộn với các cuộc xung đột chết người, từ Sudan đến Gaza và Israel, cùng với tình trạng nắng nóng kỷ lục, hạn hán, cháy rừng và lũ lụt. Sự bất mãn trong xã hội có thể thấy rõ ở nhiều quốc gia, với các chu kỳ tin tức bị chi phối bởi sự phân cực, biểu tình bạo lực, bạo loạn và đình công.

Mặc dù những hậu quả gây bất ổn toàn cầu - chẳng hạn như những hậu quả xảy ra khi cuộc chiến tranh Nga-Ukraine bùng phát ban đầu hay đại dịch COVID-19 - phần lớn đã tránh được, nhưng triển vọng dài hạn hơn đối với những diễn biến này có thể mang lại những cú sốc toàn cầu hơn nữa. Khi chúng ta bước vào năm 2024, kết quả GRPS 2023-2024 nêu bật triển

vọng chủ yếu là tiêu cực đối với thế giới trong hai năm tới và dự kiến sẽ xấu đi trong thập kỷ tới. Được khảo sát vào tháng 9 năm 2023, phần lớn số người được hỏi (54%) dự đoán sẽ có một số bất ổn và nguy cơ thảm họa toàn cầu ở mức độ vừa phải, trong khi 30% khác cho rằng tình hình còn hỗn loạn hơn nữa. Triển vọng tiêu cực hơn rõ rệt trong khoảng thời gian 10 năm, với gần 2/3 số người được hỏi mong đợi một viễn cảnh giống bão hoặc hỗn loạn. Trong báo cáo năm nay, chúng tôi bối cảnh hóa phân tích của mình thông qua bốn lực lượng cơ cấu sẽ định hình việc hiện thực hóa và quản lý rủi ro toàn cầu trong thập kỷ tới. Đây là những thay đổi dài hạn hơn trong sự sắp xếp và mối quan hệ giữa bốn yếu tố mang tính hệ thống của bối cảnh toàn cầu:

- Quỹ đạo liên quan đến hiện tượng nóng lên toàn cầu và các hậu quả liên quan đến hệ thống Trái đất (Biến đổi khí hậu).
- Những thay đổi về quy mô, tốc độ tăng trưởng và cơ cấu dân số trên toàn thế giới (Sự phân chia nhân khẩu học).
- Lộ trình phát triển cho các công nghệ tiên phong (Tăng tốc công nghệ).
- Sự tiến hóa vật chất về sự tập trung và các nguồn sức mạnh địa chính trị (Những thay đổi địa chiến lược).

Một tập hợp các điều kiện toàn cầu mới đang hình thành trên từng lĩnh vực này và những chuyển đổi này sẽ được đặc trưng bởi sự không chắc chắn và biến động. Khi các xã hội tìm cách thích ứng với những lực lượng đang thay đổi này, khả năng chuẩn bị và ứng phó với những rủi ro toàn cầu của họ sẽ bị ảnh hưởng.

Rủi ro môi trường có thể đạt đến điểm không thể quay trở lại

Rủi ro môi trường tiếp tục thống trị bối cảnh rủi ro trong cả ba khung thời gian. Hai phần ba số người trả lời GRPS xếp hạng Thời tiết cực đoan là nguy cơ hàng đầu có khả năng gây ra khủng hoảng vật chất trên quy mô toàn cầu vào năm 2024, với giai đoạn ấm lên của chu kỳ El Niño-Đao động phương Nam (ENSO) được dự đoán sẽ tăng cường và kéo dài cho đến tháng 5 năm nay. Đây cũng được coi là rủi ro nghiêm trọng thứ hai trong khung thời gian hai năm và tương tự như bảng xếp hạng năm ngoái, gần như tất cả các rủi ro môi trường đều nằm trong top 10 trong thời gian dài hơn.

Tuy nhiên, những người trả lời GRPS không đồng ý về tính cấp bách của các rủi ro môi trường, đặc biệt là mất đa dạng sinh học và sụp đổ hệ sinh thái cũng như những thay đổi nghiêm trọng đối với các hệ thống Trái đất. Những người trả lời trẻ tuổi hơn có xu hướng xếp hạng những rủi ro này cao hơn nhiều trong khoảng thời gian hai năm so với các nhóm tuổi lớn hơn, với cả hai rủi ro đều nằm trong top 10 bảng xếp hạng trong ngắn hạn. Khu vực tư nhân nhấn mạnh những rủi ro này là mối quan tâm hàng đầu trong dài hạn, trái ngược với những người trả lời từ xã hội dân sự hoặc chính phủ ưu tiên những rủi ro này trong khung thời gian ngắn hạn. Sự bất đồng trong nhận thức về tính cấp bách giữa những người ra quyết định chủ chốt hàm ý sự liên kết và ra quyết định dưới mức tối ưu, làm tăng nguy cơ bỏ lỡ những thời điểm can thiệp quan trọng, dẫn đến những thay đổi lâu dài đối với các hệ thống hành tinh.

Chương 2.3: Một thế giới 3°C khám phá những hậu quả của việc vượt qua ít nhất một “điểm bùng phát khí hậu” trong thập kỷ tới. Nghiên cứu gần đây cho thấy rằng ngưỡng kích hoạt những thay đổi lâu dài, có khả năng không thể đảo ngược và tự duy trì đối với các hệ hành tinh được chọn có thể sẽ vượt qua mức nóng lên toàn cầu ở mức 1,5°C, hiện được dự đoán là sẽ đạt đến vào đầu những năm 2030. Nhiều nền kinh tế phần lớn vẫn chưa chuẩn bị sẵn sàng cho các tác động “phi tuyến tính”: khả năng gây ra mối liên hệ giữa một số rủi ro môi trường xã hội liên quan có khả năng đẩy nhanh quá trình biến đổi khí hậu, thông qua việc giải phóng lượng khí thải carbon và khuếch đại các tác động liên quan, đe dọa các đối tượng dễ bị tổn thương do khí hậu. quần thể. Khả năng thích ứng chung của các xã hội có thể bị áp đảo, xét đến quy mô lớn của các tác động tiềm ẩn và yêu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng, khiến một số cộng đồng và quốc gia không thể hấp thụ cả tác động cấp tính và mãn tính của biến đổi khí hậu nhanh chóng.

Khi sự phân cực ngày càng tăng và rủi ro công nghệ vẫn không được kiểm soát, 'sự thật' sẽ chịu áp lực

Sự phân cực xã hội nằm trong số ba rủi ro hàng đầu trong cả khoảng thời gian hiện tại và hai năm, xếp thứ 9 trong dài hạn. Ngoài ra, Sự phân cực xã hội và suy thoái kinh tế được coi là những rủi ro có mối liên hệ chặt chẽ nhất - và do đó có ảnh hưởng lớn - trong mạng lưới rủi ro toàn cầu (Hình D), là động lực và hậu quả có thể xảy ra của nhiều rủi ro.

Nổi lên như một rủi ro toàn cầu nghiêm trọng nhất được dự đoán trong hai năm tới, các tác nhân trong và ngoài nước cũng sẽ tận dụng Thông tin sai lệch và thông tin sai lệch để làm gia tăng thêm sự chia rẽ chính trị và xã hội (Chương 1.3: Thông tin sai lệch). Dự kiến sẽ có gần ba tỷ người tham gia các cuộc bỏ phiếu bầu cử ở một số nền kinh tế - bao gồm Bangladesh, Ấn Độ, Indonesia, Mexico, Pakistan, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ - trong hai năm tới, việc sử dụng rộng rãi thông tin sai lệch và thông tin xuyên tạc và các công cụ để phổ biến nó có thể làm suy yếu tính hợp pháp của các chính phủ mới được bầu. Kết quả là tình trạng bất ổn có thể bao gồm từ các cuộc biểu tình bạo lực và tội ác căm thù đến đối đầu dân sự và khủng bố.

Ngoài các cuộc bầu cử, nhận thức về thực tế có thể cũng trở nên phân cực hơn, xâm nhập vào các cuộc thảo luận của công chúng về các vấn đề từ sức khỏe cộng đồng đến công bằng xã hội. Tuy nhiên, khi sự thật bị xói mòn, nguy cơ tuyên truyền và kiểm duyệt trong nước cũng sẽ tăng lên. Để đối phó với thông tin sai lệch, các chính phủ có thể ngày càng được trao quyền để kiểm soát thông tin dựa trên những gì họ xác định là “đúng”. Các quyền tự do liên quan đến internet, báo chí và quyền truy cập vào các nguồn thông tin rộng hơn vốn đã bị suy giảm có nguy cơ dẫn đến việc đàn áp rộng rãi hơn các luồng thông tin trên một nhóm quốc gia rộng lớn hơn.

Căng thẳng kinh tế đối với người có thu nhập thấp và trung bình - và các quốc gia - sẽ gia tăng

Cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt vẫn là mối lo ngại lớn trong triển vọng năm 2024. Rủi ro kinh tế của Lạm phát (#7) và Suy thoái kinh tế (#9) cũng là những nhân tố mới đáng chú ý lọt vào bảng xếp hạng 10 rủi ro hàng đầu trong giai đoạn hai năm. Mặc dù hiện tại, việc “hạ cánh nhẹ nhàng hơn” dường như đang phổ biến nhưng triển vọng trong ngắn hạn vẫn rất

không chắc chắn. Có nhiều nguồn gây áp lực giá từ phía cung tiếp tục xuất hiện trong hai năm tới, từ điều kiện El Niño đến khả năng leo thang xung đột trực tiếp. Và nếu lãi suất vẫn tương đối cao trong thời gian dài, các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như các quốc gia mắc nợ nhiều sẽ đặc biệt gặp khó khăn về nợ nần (Chương 1.5: Bất ổn kinh tế).

Sự bất ổn về kinh tế sẽ đè nặng lên hầu hết các thị trường, nhưng vốn sẽ là thứ tổn kém nhất đối với các quốc gia dễ bị tổn thương nhất. Các quốc gia dễ bị tổn thương về khí hậu hoặc dễ xảy ra xung đột sẽ ngày càng bị loại khỏi cơ sở hạ tầng vật chất và kỹ thuật số rất cần thiết, thương mại và đầu tư xanh cũng như các cơ hội kinh tế liên quan. Khi khả năng thích ứng của các quốc gia mong manh này ngày càng bị xói mòn, các tác động xã hội và môi trường liên quan sẽ được khuếch đại.

Tương tự, sự hội tụ của tiến bộ công nghệ và động lực địa chính trị có thể sẽ tạo ra một nhóm người thắng và kẻ thua mới trên khắp các nền kinh tế tiên tiến và đang phát triển (Chương 2.4: AI phụ trách). Nếu các khuyến khích thương mại và các yêu cầu địa chính trị, thay vì lợi ích công cộng, vẫn là động lực chính cho sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ tiên tiến khác, thì khoảng cách kỹ thuật số giữa các quốc gia có thu nhập cao và thấp sẽ tạo ra sự chênh lệch rõ rệt trong phân bổ lao động, lợi ích – và rủi ro liên quan. Các quốc gia và cộng đồng dễ bị tổn thương sẽ bị bỏ lại phía sau hơn nữa, bị cô lập về mặt kỹ thuật số khỏi những đột phá về AI tăng tốc ảnh hưởng đến năng suất kinh tế, tài chính, khí hậu, giáo dục và chăm sóc sức khỏe cũng như tạo việc làm liên quan.

Về lâu dài, tiến độ phát triển và mức sống sẽ gặp rủi ro. Các xu hướng kinh tế, môi trường và công nghệ có khả năng tạo ra những thách thức hiện có xung quanh vấn đề di chuyển lao động và xã hội, cản trở các cá nhân khỏi các cơ hội về thu nhập và kỹ năng, và do đó cản trở khả năng cải thiện tình trạng kinh tế (Chương 2.5: Kết thúc phát triển?). Thiếu cơ hội kinh tế là rủi ro nằm trong top 10 rủi ro trong khoảng thời gian hai năm, nhưng dường như ít được các nhà ra quyết định toàn cầu quan tâm hơn trong thời gian dài hạn, giảm xuống vị trí thứ 11 (Hình E). Tỷ lệ rời bỏ việc làm cao - cả tạo việc làm và mất việc làm - có khả năng dẫn đến sự phân chia thị trường lao động sâu sắc giữa và trong các nền kinh tế phát triển và đang phát triển. Mặc dù không nên đánh giá thấp lợi ích năng suất của những chuyển đổi kinh tế này, nhưng tăng trưởng xuất khẩu do sản xuất hoặc dịch vụ dẫn đầu có thể không còn mang lại những con đường truyền thống dẫn đến thịnh vượng hơn cho các nước đang phát triển.

Việc thu hẹp các con đường dẫn đến sinh kế ổn định của mỗi cá nhân cũng sẽ tác động đến các thước đo về phát triển con người - từ đói nghèo đến khả năng tiếp cận giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Những thay đổi rõ rệt trong khế ước xã hội khi khả năng di chuyển giữa các thế hệ suy giảm sẽ định hình lại một cách triệt để các động lực chính trị và xã hội ở cả nền kinh tế tiên tiến và đang phát triển.

Cơ hội hành động để giải quyết rủi ro toàn cầu trong một thế giới bị chia cắt

Sự hợp tác sẽ chịu áp lực trong thế giới bị chia cắt và không ngừng thay đổi này. Tuy nhiên, vẫn còn những cơ hội hành động quan trọng có thể được thực hiện ở địa phương hoặc quốc tế, riêng lẻ hoặc hợp tác - điều đó có thể làm giảm đáng kể tác động của rủi ro toàn cầu.

Các chiến lược địa phương hóa thúc đẩy đầu tư và quy định có thể làm giảm tác động của những rủi ro không thể tránh khỏi mà chúng ta có thể chuẩn bị ứng phó và cả khu vực công và tư nhân đều có thể đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng những lợi ích này cho tất cả mọi người. Những nỗ lực đột phá đơn lẻ, được phát triển thông qua nỗ lực ưu tiên cho tương lai và tập trung vào nghiên cứu và phát triển, cũng có thể giúp biến thế giới thành một nơi an toàn hơn. Các hành động tập thể của từng công dân, công ty và quốc gia có vẻ không đáng kể, nhưng ở mức độ quan trọng, chúng có thể thúc đẩy việc giảm thiểu rủi ro toàn cầu. Cuối cùng, ngay cả trong một thế giới ngày càng bị chia cắt, sự hợp tác xuyên biên giới trên quy mô lớn vẫn rất quan trọng đối với những rủi ro mang tính quyết định đối với an ninh và thịnh vượng của con người.

Thập kỷ tiếp theo sẽ mở ra một thời kỳ thay đổi đáng kể, nâng cao khả năng thích ứng của chúng ta đến mức giới hạn. Có thể hình dung được nhiều tương lai hoàn toàn khác nhau trong khung thời gian này và một con đường tích cực hơn có thể được định hình thông qua hành động của chúng ta nhằm giải quyết các rủi ro toàn cầu ngày nay.

Trung tâm Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2024 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

